BIÊN BẢN
KỲ HỌP LẦN THỨ 31 ỦY BAN LIÊN CHÍNH PHỦ VỀ HỢP TÁC KINH TẾ, VĂN HÓA, KHOA HỌC KỸ THUẬT GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

I. CHƯƠNG TRÌNH KỲ HỌP

1. Từ ngày 04 đến ngày 08 tháng 01 năm 2009, tại Thành phố Hồ Chí Minh, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã tiến hành Kỳ họp lần thứ 31 Uỷ ban liên Chính phủ về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam do đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, Uỷ viên Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ, Chủ tịch Phân ban hợp tác Việt Nam-Lào, Trưởng đoàn.

Đoàn đại biểu Chính phủ Lào do đồng chí Xổm-xa-vạt Lềnh-xa-vát, Uỷ viên Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ, Chủ tịch Phân ban hợp tác Lào-Việt Nam, Trưởng đoàn.

Danh sách thành viên của đoàn Việt Nam và đoàn Lào (sau đây gọi tắt là hai Bên) ghi trong các Phụ lục A và B kèm theo Biên bản.

2. Hai Bên thông qua chương trình làm việc của Kỳ họp, đánh giá tình hình thực hiện Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật năm 2008; trao đổi phương hướng nhiệm vụ hợp tác năm 2009; ký Biên bản Kỳ họp thứ 31 và Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào năm 2009.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH HỢP TÁC NĂM 2008

Trên cơ sở Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật giai đoạn 2006-2010 giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào ký ngày 04 tháng 01 năm 2006 tại Viêng Chăn, Thủ đô nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Hiệp định hợp tác năm 2008, hai Bên đã trao đổi và thống nhất ghi nhận về tình hình thực hiện Hiệp định năm 2008 như sau:

1. Năm 2008, hai Bên đã triển khai thực hiện nhiều thỏa thuận, giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh. Các Bộ, ngành, địa phương hai Bên đã

có nhiều hoạt động giúp đỡ lẫn nhau dưới nhiều hình thức đa dạng và có hiệu quả, hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật giữa hai nước đạt được nhiều kết quả tích cực.

2. Hợp tác đào tạo được hai bên ưu tiên, số học sinh tiếp nhận mới năm 2008 vẫn duy trì ở mức cao với 718 người, tăng 12% so với năm 2007, tăng 10,8% so với thoả thuận từ đầu năm. Hai bên tiếp tục dành quan tâm thực hiện đào tạo dưới nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng, áp dụng nhiều giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng.

Quan hệ thương mại, đầu tư có nhiều chuyển biến tích cực. Kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều 10 tháng đầu năm 2008 đạt 374,4 triệu USD (ước cả năm 2008 đạt 450 triệu USD, tăng 44% so với năm 2007). Trong đó, Việt Nam xuất khẩu 125,6 triệu USD (tăng 50% so với cùng kỳ), Việt Nam nhập khẩu 248,8 triệu USD (tăng 35% so với cùng kỳ). Hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam ngày càng đi vào ổn định và có bước tiến bộ vượt bậc. Đến tháng 11 năm 2008, Chính phủ Lào đã cấp phép cho 157 dự án với vốn đầu tư là 810,877 triệu USD. Đáng chú ý trong năm 2008, Việt Nam là nước đứng đầu trong các nước đầu tư vào Lào, trong đó, có nhiều dự án quy mô và vốn đầu tư lớn ở các lĩnh vực thuỷ điện, khai khoáng, trồng cây công nghiệp. Tiến độ dự án đang được các doanh nghiệp triển khai thực hiện theo thoả thuận đã ký kết.

Các dự án sử dụng vốn viện trợ mặc dù còn gặp khó khăn về biến động giá cả nguyên, nhiên, vật liệu nhưng hầu hết tiến độ vẫn đạt theo thoả thuận, đảm bảo hoàn thành, bàn giao theo đúng thời hạn.

Hợp tác giữa các địa phương nhất là các địa phương biên giới ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả, góp phần củng cố và phát triển mối quan hệ đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai nước. Hợp tác phát triển toàn diện, ổn định vùng biên giới được hai Bên quan tâm đầu tư với nhiều chương trình, dự án thiết thực đang được triển khai với kết quả khả quan, góp phần tích cực vào việc đảm bảo an ninh, chính trị khu vực biên giới.

Các cơ chế nhằm tạo thuận lợi cho người, phương tiện, hàng hoá qua lại giữa hai nước đã bước đầu phát huy hiệu quả, thực sự góp phần đẩy mạnh hợp tác đầu tư thương mại giữa hai Bên.

Tuy nhiên, kết quả hợp tác giữa hai Bên còn chưa được như mong muốn, chưa thực sự phát huy một cách mạnh mẽ, hiệu quả về tiềm năng, quan hệ và các ưu đãi mà hai nước dành cho nhau.

Số lượng học sinh sang học tập nhiều song chất lượng đào tạo chưa đồng đều, kết quả học tập có biến chuyển nhưng chưa đều khắp ở các trường, cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa hai Bên trong việc tổ chức, động

viên. Kim ngạch thương mại giữa hai nước tăng nhưng tốc độ tăng chậm, đòi hỏi cần có nhiều biện pháp hơn nữa để phát huy tổng hợp các tiềm năng trong mọi thành phần kinh tế, góp phần hoàn thành mục tiêu đạt 1 tỷ USD kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước năm 2010 và 2 tỷ USD vào năm 2015.

Hoạt động đầu tư đạt kết quả tích cực, song việc thực hiện chế độ báo cáo của hầu hết các doanh nghiệp chưa được thực hiện theo quy định; còn có doanh nghiệp vi phạm quy định, mâu thuẫn nội bộ, tranh chấp dự án, gây mất đoàn kết trong các doanh nghiệp Việt Nam... ảnh hưởng tới hình ảnh và những kết quả mà các doanh nghiệp Việt Nam giành được.

Một số dự án sử dụng vốn viện trợ triển khai còn chậm, thời gian chuẩn bị dự án còn kéo dài nên làm tăng tổng mức đầu tư so với phê duyệt ban đầu, ảnh hưởng tới kế hoạch mà hai Bên đã thoả thuận.

III. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU HỢP TÁC KINH TẾ, VĂN HOÁ, KHOA HỌC, KỸ THUẬT NĂM 2009

Thực hiện tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam và Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào; trên cơ sở Hiệp định Hợp tác giữa hai Chính phủ về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật giai đoạn 2006-2010 và căn cứ vào tình hình thực tế của hai nước và khu vực, hai Bên khẳng định quyết tâm không ngừng củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai nước trong thời kỳ mới; tiếp tục thực hiện 6 chương trình mục tiêu đã được thoả thuận tại Hiệp định hợp tác giữa hai Chính phủ giai đoạn 2006-2010, năm 2009, hai Bên thoả thuận một số vấn đề hợp tác cụ thể sau đây:

1. Về đào tạo phát triển nguồn nhân lực, hai Bên khẳng định tiếp tục thực hiện Nghị định thư về hợp tác đào tạo cán bộ ký ngày 15 tháng 01 năm 2002. Tiếp tục ưu tiên đào tạo bồi dưỡng cán bộ chính trị, cán bộ quản lý ở các cấp, các bậc học; cán bộ địa phương thuộc khu vực Tam giác phát triển ba nước Cămpuchia – Lào - Việt Nam (CLV) và các tỉnh có biên giới với Việt Nam; cán bộ các Bộ, ngành, địa phương Lào đã học tập bồi dưỡng tại Việt Nam và cán bộ đang làm việc tại các chương trình, dự án hợp tác giữa hai Bên.

Giao hai Bộ Giáo dục và Đào tạo hai nước thực hiện nghiêm các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo khâu thi tuyển đầu vào; tăng cường đôn đốc, kiểm tra, quản lý sinh viên Lào thực hiện nghiêm quy chế học tập; tiến hành đánh giá toàn diện về hợp tác đào tạo giữa hai nước trong thời gian qua, có giải pháp xử lý trình hai Chính phủ tại Cuộc họp giữa năm 2009. Cam kết tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất sinh hoạt cho cán bộ, học sinh mỗi bên.

Hai Bên khuyến khích đào tạo cán bộ, học sinh của mỗi bên ở các ngành, các bậc học bằng nguồn vốn tự túc của cá nhân hoặc bằng các nguồn vốn do các tổ chức, doanh nghiệp, các nước khác tài trợ.

2. Hai Bên khuyến khích phối hợp lập và tổ chức thực hiện kế hoạch, mô hình hợp tác đầu tư trong sản xuất nông lâm nghiệp ở các vùng biên giới, nhất là trồng trọt, chăn nuôi gia súc, thủy sản, trồng rừng phát triển nông lâm sản và cùng nhau quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên; quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội đồng thời với việc ưu tiên nguồn vốn để đầu tư xây dựng các tuyến đường nối giữa hai nước; tạo điều kiện thuận lợi xây dựng và phát triển chợ biên giới khu kinh tế cửa khẩu, thúc đẩy phát triển thương mại biên giới; tiếp tục xem xét, nâng cấp các cặp cửa khẩu phù hợp với tình hình phát triển của hai nước. Khuyến khích hợp tác phát triển giữa các địa phương biên giới hai nước và ngăn chặn việc gian lận thương mại, trốn lậu thuế, buôn bán trái phép. Đặc biệt ưu tiên hợp tác đầu tư tại các tỉnh khó khăn, vùng sâu vùng xa của Lào có chung biên giới với Việt Nam nhằm giải quyết khó khăn nâng cao đời sống nhân dân.

Tiếp tục đẩy mạnh chương trình hợp tác và trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, khí tượng thủy văn, môi trường, quản lý tài nguyên dưới nhiều hình thức; bảo vệ rừng gắn với định canh định cư và bảo vệ môi trường, đặc biệt là khu vực biên giới.

3. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các hoạt động giao lưu văn hoá, xúc tiến và quảng bá du lịch, chương trình du lịch trọn gói và nối tiếp giữa hai nước nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch của nhân dân hai nước và khách du lịch từ nước thứ 3 đến hai nước bằng đường bộ, đường không; phối hợp với Cămpuchia thực hiện chương trình "Ba quốc gia một điểm đến".

Phía Việt Nam giúp phía Lào tổ chức thành công SEAGames 25 năm 2009 tại Lào và đoàn thể thao Lào đạt thành tích cao.

Phối hợp hợp tác trong lĩnh vực phòng, chống các dịch bệnh lây lan và thực hiện Hiệp định Kiểm dịch y tế biên giới giữa hai nước.

Hai Bên nhất trí tăng cường hợp tác trong lĩnh vực thông tin báo chí, xuất bản, phát thanh truyền hình. Phía Việt Nam sẵn sàng cử chuyên gia và trao đổi kinh nghiệm về các vấn đề văn hóa, xã hội, thông tin truyền thông, việc làm, xóa đói giảm nghèo; hợp tác chặt chẽ kiểm soát phòng chống trốn lậu thuế, buôn bán trái phép; buôn bán, vận chuyển trái phép chất gây nghiện qua biên giới; buôn bán phụ nữ và trẻ em.

Hai Bên tiến hành trao đổi phóng viên báo chí nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau về kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, xã hội giữa nhân dân hai nước và trong khu vực.

Hai Bên dành ưu tiên, tạo điều kiện thuận lợi trong việc phối hợp tìm kiếm, cất bốc và hồi hương hài cốt các liệt sỹ Việt Nam hy sinh qua các thời kỳ ở Lào.

4. Hai Bên ủng hộ và giao ngành thương mại hai Bên chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương hai nước triển khai thực hiện thành công Đề án phát triển thương mại giữa hai nước giai đoạn 2008-2015 theo mục tiêu kim ngạch hai chiều 1 tỷ USD vào năm 2010, 2 tỷ USD năm 2015. Tiếp tục dành ưu tiên ưu đãi cho nhau trên cơ sở quan hệ đặc biệt sẵn có, tiếp tục thực hiện các cơ chế ưu đãi đã thỏa thuận về thuế suất thuế nhập khẩu đối với hàng hóa có xuất xứ từ hai nước; nghiên cứu mở rộng danh mục các mặt hàng được hưởng thuế suất bằng 0%.

Kể từ năm 2009 trở đi, đối với danh mục hàng hoá đã được hưởng ưu đãi giảm thuế từ 0% đến 50% của hai Bên sẽ tiếp tục được áp dụng cho những năm tiếp theo; nếu có sự thay đổi trong danh mục hoặc bổ sung mới hai Bên sẽ tiếp tục nghiên cứu mở rộng. Phía Lào đề nghị phía Việt Nam xem xét để các doanh nghiệp nhập khẩu linh kiện xe máy của Lào được hoàn lại thuế theo chương trình ưu đãi áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2008.

Tiếp tục tăng cường trao đổi kinh nghiệm về các lĩnh vực cùng quan tâm trong quá trình hội nhập quốc tế và khu vực, công tác quản lý thị trường; phối hợp ngăn chặn buôn bán trốn thuế và buôn bán trái pháp luật.

Phối hợp xây dựng kế hoạch hợp tác đầu tư của các doanh nghiệp hai nước đầu tư vào mỗi nước trong những năm tới, tìm biện pháp để đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư bằng nhiều hình thức thích hợp, tìm giải pháp mở rộng đầu tư trên các lĩnh vực vào mỗi nước. Tuyên truyền rộng rãi Luật đầu tư của mỗi nước bằng tiếng tiếng Việt và tiếng Lào; xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm thúc đẩy đầu tư Việt Nam vào Lào và đầu tư của Lào vào Việt Nam; khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam và Lào xây dựng mô hình doanh nghiệp liên doanh để cùng hợp tác đầu tư. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các quy định, quy chế và luật pháp liên quan của mỗi nước; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo theo định kỳ tới các cơ quan liên quan hai Bên.

Khuyến khích các doanh nghiệp, mọi thành phần kinh tế của mỗi bên đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, chế biến, năng lượng, điện, khai khoáng, dịch vụ... tại mỗi nước; ưu tiên các dự án tạo công ăn, việc làm gắn với xóa đói giảm nghèo, góp phần ổn định xã hội, tăng thu ngân sách quốc gia và kim ngạch xuất khẩu; khuyến khích các doanh nghiệp trẻ hai nước hợp tác đầu tư và hỗ trợ, giúp đỡ nhau tăng cường năng lực; lập quỹ hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở hạ tầng địa phương.

Phía Lào khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam sang đầu tư sản xuất, chế biến hàng hóa nông lâm sản và các loại hàng hóa khác để xuất khẩu; xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực thương mại Đen Sa Vẳn, tỉnh Savannakhệt và khu vực cửa khẩu biên giới khác; xây dựng các Trung tâm Thương mại Việt Nam tại Lào và Trung tâm Thương mại Lào tại Việt Nam, các Khu đô thị thương mại của Việt Nam tại Thủ đô Viêng Chăn, Luangprabang, Savannakhệt. Phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi phù hợp với quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) làm cơ sở thành lập các khu chế xuất, khu kinh tế mở, khu kinh tế, đặc biệt dọc các tuyến đường nối giữa hai nước. Nhằm tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, hai Bên phối hợp tổ chức Hội nghị xúc tiến đầu tư vào Lào tại phía Nam Việt Nam trong năm 2009.

Hai Bên nhất trí tiếp tục thực hiện việc mua bán điện dọc biên giới hai nước; thúc đẩy xây dựng dự án thủy điện đã khởi công và các dự án đã ký hợp đồng phát triển dự án (PDA) thực hiện theo đúng tiến độ; tạo điều kiện để các doanh nghiệp thực hiện MOU đã ký và xem xét ký MOU mới; thúc đẩy các doanh nghiệp chuẩn bị đầu tư các đường dây để tải điện phù hợp với tiến độ xây dựng các dự án nguồn điện; khẩn trương thống nhất giá mua bán điện.

Phía Việt Nam ghi nhận đề nghị của phía Lào về giá mua bán điện phải đảm bảo lợi nhuận của nhà đầu tư hợp lý (ít nhất 12% đến 13%).

Hai Bên thống nhất thúc đẩy các doanh nghiệp Việt Nam triển khai theo đúng tiến độ ghi trong các hợp đồng đã ký về tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi và cấp phép cho các doanh nghiệp Việt Nam thực hiện tìm kiếm, thăm dò, khai thác khoáng sản tại Lào phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế của mỗi nước; khuyến khích các doanh nghiệp hai nước hợp tác đầu tư chế biến nâng cao giá trị của các loại khoáng sản nhằm tạo thêm việc làm, góp phần xoá đói, giảm nghèo, ổn định xã hội, an ninh quốc phòng.

Hai Bên tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế sản xuất các mặt hàng xuất khẩu có lợi thế và được ưu tiên đầu tư; khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư sản xuất các loại hàng hóa nông lâm sản có tiềm năng, kể cả trồng các loại cây công nghiệp ở các vùng phù hợp theo quy hoạch phân bổ đất đai quốc gia và quy hoạch phân vùng sản xuất nông nghiệp bền vững nhằm hình thành các vùng nguyên liệu phục vụ cho chế biến, chăn nuôi; hai Bên tiếp tục hợp tác bảo vệ rừng và tìm biện pháp ngăn chặn việc chặt phá rừng nhằm bảo vệ môi trường sinh thái. Chính phủ Lào tiếp tục tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư sản xuất nông nghiệp theo hình thức 3+2 ở các vùng có khả năng bố trí được.

Phía Lào ghi nhận đề nghị của phía Việt Nam về vấn đề ký hợp đồng thuê đất đối với các dự án trồng cây công nghiệp của các doanh nghiệp Việt Nam đã được cấp phép.

5. Hai Bên nhất trí đẩy nhanh triển khai các bước tiếp theo để thực hiện việc kiểm tra hàng hóa và phương tiện vận tải theo hình thức "kiểm tra một cửa và một điểm dừng" tại cửa khẩu quốc tế Lao Bảo - Đen Sa Vẳn phù hợp với quy định của Hiệp định GMS. Trong thời gian tới, hai Bên tiến hành các hội nghị quán triệt thỏa thuận Hà Nội 2007 để thực hiện thống nhất từ Trung ương đến địa phương tại các cặp cửa khẩu giữa hai nước. Phía Lào sẽ đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, cải tạo địa điểm làm việc, phương tiện kiểm tra, hệ thống thông tin liên lạc và các cơ sở hạ tầng khác đáp ứng với yêu cầu của hình thức kiểm tra này.

Hai Bên thúc đẩy thành lập Công ty liên doanh Việt Nam-Lào để sử dụng cảng Vũng Áng. Giao ngành giao thông vận tải hai nước tiếp tục chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện thỏa thuận về sử dụng Cảng Vũng Áng ký ngày 20 tháng 7 năm 2001. Tiến hành việc điều chỉnh Hiệp định, Nghị định thư vận tải đường bộ và những nội dung có liên quan phù hợp với Thỏa thuận Hà Nội 2007 và các văn kiện đã được ký kết trong khuôn khổ hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS). Phía Lào cảm ơn Chính phủ Việt Nam đã giúp đỡ hoàn thành báo cáo nghiên cứu tiền khả thi tuyến đường sắt Thà Khẹc - Mụ Giạ. Chính phủ Lào đang tích cực tìm kiếm nguồn tài trợ từ các nước để triển khai dự án này. Phía Lào khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào Lào trong lĩnh vực bay dịch vụ, viễn thông.

6. Hai Bên phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý lao động Việt Nam tại Lào theo các quy định pháp luật hiện hành, đồng thời tăng cường việc giáo dục các lao động Việt Nam hiểu và tôn trọng phong tục tập quán của Lào. Phía Lào tạo điều kiện thuận lợi cho lao động Việt Nam cư trú và làm việc tại Lào phù hợp với pháp luật của Lào.

7. Hai Bên thống nhất tăng cường hợp tác trong lĩnh vực bưu chính viễn thông trên cơ sở Hiệp định giữa hai chính phủ Việt Nam và Lào ký ngày 06 tháng 10 năm 2008.

8. Hai Bên khẳng định tiếp tục thực hiện Hiệp định về kiều dân giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào ký ngày 03 tháng 4 năm 1993.

9. Hai Bên nhất trí, trong năm 2009 thực hiện:

- Hoàn thành bàn giao và quyết toán dứt điểm các dự án: (i) Bổ sung, hoàn thiện Trường dạy nghề Bò Kẹo (ii) Trường Cao đẳng Tài chính Đông Khăm Xạng.

- Các dự án ghi kế hoạch vốn năm 2008, thực hiện trong năm 2009: (i) Sửa chữa, nâng cấp Bảo tàng Cay-xỏn Phôm-vi-hản (ii) Đài phát thanh và phát hình tại tỉnh Chămpaxắc (iii) Đài phát thanh và phát hình tại tỉnh

Luangprabang (iv) Trường nghệ thuật Âm nhạc quốc gia Lào (v) Xây dựng Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu quốc tế Phu Cưa tỉnh Attapư.

- Tiếp tục thực hiện các dự án: (i) Biên dịch các tác phẩm kinh điển của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh từ tiếng Việt sang tiếng Lào (ii) Tăng dày và tôn tạo hệ thống mốc quốc giới Việt Nam-Lào (iii) Biên soạn tài liệu lịch sử về quan hệ truyền thống hữu nghị, đoàn kết đặc biệt Việt Nam – Lào (iv) Xây dựng Công viên Xay Xệt Thả và Quảng trường Thạt Luổng (v) Xây dựng Chiến lược hợp tác Việt Nam – Lào giai đoạn 2011-2020, gắn với việc xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển đến năm 2020 của mỗi nước (vi) Trung tâm Lưu trữ quốc gia Lào (vii) Trường phổ thông trung học hữu nghị Lào - Việt (viii) Khôi phục Xưởng in quân đội Lào (ix) Quy hoạch phân vùng cây công nghiệp Nam Lào (x) Trung tâm khoa học hình sự Bộ An ninh Lào (xi) Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia Lào.

- Chuẩn bị mới các dự án: (i) Chiến lược phát triển Nông nghiệp, Nông thôn và Nông dân Lào (ii) Hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn và sản xuất hàng hoá ở các bản thuộc vùng tưới của hai công trình thuỷ lợi Đông Phô Sy và Thà pha nông phông (iii) Xây dựng Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Lào giai đoạn II (iv) Nâng cao năng lực ngành Tư pháp Lào (v) Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Hủa Phăn (vi) Xây dựng kế hoạch tổng thể nâng cao năng lực quản lý Nhà nước về Bưu chính Viễn thông Lào.

10. Về tín dụng ưu đãi: Bộ Tài chính hai nước kết thúc đàm phán, ký Hiệp định tín dụng ưu đãi trước tháng 2 năm 2009 để sớm triển khai xây dựng tuyến đường 2E Mường Khoa – Tây Trang theo thỏa thuận.

11. Hai Bên thống nhất triển khai và thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, kiểm soát và báo cáo định kỳ việc thực hiện các chương trình, dự án và các Thỏa thuận đã ký kết. Phối hợp chặt chẽ hoàn chỉnh để ký mới bản sửa đổi, bổ sung "Thỏa thuận về Quy chế tài chính và Quản lý các dự án sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào ký ngày 15 tháng 01 năm 2002" phù hợp với cơ chế, chính sách hiện hành của mỗi nước.

Hai Bên nhất trí phối hợp trao đổi để có sự đồng thuận trong các chương trình hợp tác trong khuôn khổ ASEAN, GMS, ACMECS, CLV, CLV+J, CLMV, hành lang kinh tế Đông Tây (EWEC),... vào mục tiêu phát triển và hợp tác của hai nước; hai bên hợp tác chặt chẽ với các quốc gia có liên quan khác thực hiện Hiệp định Mê Công năm 1995 nhằm phát triển và quản lý bền vững tài nguyên nước lưu vực sông Mê Công.

Tiếp tục thực hiện thoả thuận về quản lý thống nhất việc sử dụng nguồn vốn viện trợ của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào theo nguyên tắc "mọi thỏa thuận của các Bộ, Ngành, địa phương, các tổ chức,

đoàn thể muốn sử dụng vốn viện trợ của Chính phủ phải được sự đồng ý của hai Chính phủ trước khi ký kết"; khuyến khích các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức đoàn thể tiếp tục hợp tác giúp đỡ lẫn nhau theo điều kiện, khả năng thực tế của ngành, địa phương và đơn vị mình. Phía Việt Nam phối hợp với phía Lào tìm kiếm các nguồn tài trợ từ các tổ chức, các nước khác để triển khai các chương trình, dự án tại Lào.

12. Phía Việt Nam mời các đồng chí Lãnh đạo cấp cao của Nhà nước Lào cùng gia đình sang Việt Nam kiểm tra sức khỏe, điều trị và nghỉ ngơi.

Phía Lào mời các đồng chí Lãnh đạo cấp cao của Nhà nước Việt Nam cùng gia đình sang nghỉ ngơi tại Lào.

13. Hai Bên thỏa thuận sẽ tiến hành Kỳ họp lần thứ 32 Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam-Lào về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật vào đầu năm 2010 tại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, thời gian, địa điểm cụ thể sẽ thông báo qua đường ngoại giao.

Biên bản này được ký tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 08 tháng 01 năm 2009, thành hai bản bằng tiếng Việt và Lào. Cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.

TM. CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**TM. CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**
NGUYỄN SINH HÙNG	**XỎM-XA-VẶT LÊNH-XA-VÁT**
Phó Thủ tướng thường trực	**Phó Thủ tướng Thường trực**

Phụ lục A

DANH SÁCH ĐOÀN ĐẠI BIỂU VIỆT NAM THAM DỰ KỲ HỌI LẦN THỨ 31 ỦY BAN LIÊN CHÍNH PHỦ GIỮA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM VÀ LÀO VỀ HỢP TÁC KINH TẾ, VĂN HÓA, KHOA HỌC-KỸ THUẬT

(Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2009)

Đoàn chính thức

1	***Nguyễn Sinh Hùng***	Uỷ viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ CHXHCN Việt Nam, Chủ tịch Phân ban Hợp tác Việt Nam-Lào, Trưởng đoàn
2	***Nguyễn Huy Quang***	Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước CHXHCN Việt Nam tại Lào
3	***Trương Văn Đoan***	Thứ trưởng thường trực, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Phó Chủ tịch Phân ban Hợp tác Việt Nam-Lào
4	***Phạm Xuân Sơn***	Phó trưởng ban, Ban Đối ngoại Trung ương
5	***Hồ Xuân Sơn***	Thứ trưởng, Bộ Ngoại giao
6	***Trần Xuân Hà***	Thứ trưởng, Bộ Tài chính
7	***Nguyễn Thành Biên***	Thứ trưởng, Bộ Công thương
8	***Lê Mạnh Hùng***	Thứ trưởng, Bộ Giao thông vận tải
9	***Lê Tiến Thọ***	Thứ trưởng, Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch
10	***Phạm Vũ Luận***	Thứ trưởng, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Đoàn chuyên viên

11	***Trần Nhật Thành***	Vụ trưởng, Thư ký Phân ban hợp tác Việt Nam-Lào, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng đoàn
12	***Nguyễn Duy Quý***	Phó Vụ trưởng, Văn phòng Chính phủ
13	***Phạm Thanh Tùng***	Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Giao thông vận tải
14	***Quản Duy Ngân Hà***	Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Thông tin và Truyền thông
15	***Trịnh Đức Hải***	Cục phó Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao
16	***Lê Ngọc Định***	Cục phó Cục Hợp tác quốc tế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
17	***Nguyễn Quốc Thắng***	Phó Vụ trưởng, Thư ký Phó Thủ tướng

18	***Hồ Đức Phương***	Tham tán thương mại Việt Nam tại Lào Đại sứ quán Việt Nam tại Lào
19	***Đoàn Thọ Nam***	Tham tán Kinh tế-Văn hóa Việt Nam tại Lào, Đại sứ quán Việt Nam tại Lào
20	***Phạm Thị Hồng Thanh***	Phó vụ trưởng Vụ CA-TBD, Bộ Công Thương
21	***Nguyễn Thị Thanh. Huyền***	Phó Vụ trưởng Vụ hợp tác quốc tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
22	***Vũ Văn Thái***	Phó vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Công Thương
23	***Trần Kim Long***	Phó vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
24	***Tạ Duy Chính***	Phó vụ trưởng Vụ Đông Nam Á, Bộ Ngoại giao
25	***Nguyễn Thị Bích Vân***	Phó vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Tổng cục Thể dục Thể Thao
26	***Nguyễn Đức Hòa***	GĐ TT hợp tác Việt – Lào, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
27	***Trịnh Đức Ân***	Chuyên viên, Vụ Tài chính đối ngoại, Bộ Tài chính
28	***Nguyễn Đình Bá***	Trưởng phòng, Vụ Kinh tế đối ngoại, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
29	***Nguyễn Ngọc Thuyên***	Chuyên viên, Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Giao thông vận tải
30	***Tăng Tiến Dũng***	Chuyên viên, Vụ Đông Nam Á, Bộ Ngoại giao
31	***Nguyễn Đẳng Kiên***	Chuyên viên, Vụ Châu Á TBD, Bộ Công Thương
32	***Lê Văn Tú***	Chuyên viên, Vụ Tổng hợp kinh tế, Bộ Ngoại giao
33	***Nguyễn Văn Có***	Chuyên viên, Vụ Hợp tác quốc tế, kiêm phiên dịch, Học viện CT-HC quốc gia
34	***Nguyễn Ngọc Thắng***	Chuyên viên, Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo
35	***Đào Ngọc Tuyển***	Chuyên viên, Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Thông tin và Truyền thông
36	***Nguyễn Minh Tâm***	Chuyên viên, Vụ Lào và Campuchia, Ban Đối ngoại Trung ương
37	***Trần Văn Kiên***	Chuyên viên, Vụ Kinh tế đối ngoại, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
38	***Phạm Văn Khánh***	Chuyên viên, Vụ Kinh tế đối ngoại, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
39	***Nguyễn Văn Thanh***	Chuyên viên, Vụ Kinh tế đối ngoại, Bộ Kế

		hoạch và Đầu tư
40	***Lê Hồng Vinh***	Chuyên viên, Vụ Kinh tế đối ngoại, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
41	***Lê Mạnh Hùng***	Chuyên viên, Văn phòng Bộ,Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Phụ lục B

DANH SÁCH ĐOÀN ĐẠI BIỂU CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO THAM DỰ KỲ HỌP LẦN THỨ 31 UỶ BAN LIÊN CHÍNH PHỦ LÀO VÀ VIỆT NAM VỀ HỢP TÁC KINH TẾ, VĂN HOÁ, KHOA HỌC KỸ THUẬT

(Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 01 năm 2009)

Đoàn chính thức

1	***Sổm-xạ-vạt Lềnh-xạ-vắt***	Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ, Chủ tịch Phân ban Hợp tác Lào-Việt Nam,Trưởng đoàn
2	***Thoong-mi Phôm-vi-xay***	Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Phó Chủ tịch Phân ban Hợp tác Lào-Việt Nam
3	***Xủn-thon Xay-nhạ-chắc***	Đại sứ đặc mệnh toàn quyền nước CHDCND Lào tại nước CHXHCN Việt Nam
4	***Xổm-bun Ra-xa-xổm-bắt***	Thứ trưởng Bộ Năng lượng và Mỏ
5	***Ts. Ty Phôm-mạ-xắc***	Thứ trưởng Bộ Nông-Lâm nghiệp
6	***Khêm-mạ-ni Phôn-xể-na***	Thứ trưởng Bộ Công-Thương
7	***Viêng-thong Si-phăn-đon***	Thứ trưởng Bộ Tài chính
8	***Xéng-đươn Lả-chăn-thạ-bun***	Thứ trưởng Bộ Giáo dục
9	***Thệt-lạ-khon Đuông-xổn-thị***	Tổng Lãnh sự nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào tại Thành phố Hồ Chí Minh

Đoàn chuyên viên:

1	***Phon-xúc Khun-xổm-bắt***	Chánh văn phòng Phân ban Hợp tác Lào-Việt Nam, Trưởng đoàn
2	***Lắt-tạ-nạ-mạ-ny Khun-nị-vông***	Chánh văn phòng Bộ Giao thông Công chính và Vận tải
3	***Ts.Phuông-pri-xắc Pra-vông-viêng-khăm***	Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Bộ Nông-Lâm nghiệp
4	***Phả-xúc Phôm-mạ-rắc***	Quyền Vụ trưởng Vụ đào tạo, Ban Tổ chức Trung ương Đảng
5	***Ts.Bun-păn Xay-mun-tạ-ry***	Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Hợp tác, Bộ Giáo dục
6	***Ts.Bun-thởng Phênh-thạ -vông-xả***	Phó Chánh văn phòng, Bộ Năng lượng và Mỏ

7	***Hắt-xạ-đi Xỉ-xụ-lát***	Phó Cục trưởng Cục Điện lực, Bộ Năng lượng và Mỏ
8	***Xỉ-la Viêng-kẹo***	Phó Chánh văn phòng, Bộ Tài chính
9	***Xổm-vẳng Nin-thạ-vông***	Tham tán Kinh tế và Thương mại, Đại sứ quán Lào tại Việt Nam
10	***Phu-khẩu Thong-mạ-ni-la***	Phó Chánh văn phòng Phân ban Hợp tác Lào-Việt Nam
11	***Xỉnh-hả Xỉnh-xạ-vắn***	Phó Chánh văn phòng Phân ban Hợp tác Lào-Việt Nam (Phiên dịch cho Đoàn chuyên viên)
12	***Khăm-phởi Kẹo-kin-na-ly***	Thư ký Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ,
13	***Viêng-xạ-vẳn Vi-lay-phon***	Bí thư Thứ nhất, Đại sứ quán Lào tại Việt Nam,
14	***Viêng-xay Đa-la-xẻn***	Trưởng phòng, Vụ Quan hệ Đảng, Ban Đối ngoại Trung ương Đảng (Phiên dịch cho Đoàn chính thức)
15	***Xay-thị-đệt In-thạ-xỏn***	Trưởng phòng Xuất-Nhập khẩu, Bộ Công-thương
16	***Xút-xạ-đa Mạ-ni-xay***	Trưởng phòng Tài vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
17	***Thíp-phạ-chăn Xa-phắc-đi***	Chuyên viên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
18	***Xu-lị-căn Chom-xỉ-pạ-xợt***	Chuyên viên văn phòng Phân ban Hợp tác Lào-Việt Nam.
19	***Xỉ-xổm-phon Khăm-pha-vông***	Chuyên viên văn phòng Phân ban Hợp tác Lào-Việt Nam.

ບົດບັນທຶກ

ກອງປະຊຸມຄັ້ງທີ 31 ຂອງຄະນະກຳມາທິການຮ່ວມມື ລະຫວ່າງ ລັດຖະບານ ວ່າດ້ວຍການຮ່ວມມືດ້ານເສດຖະກິດ, ວັດທະນະທຳ, ວິທະຍາສາດ - ເຕັກນິກ ລະຫ່ວາງ ລັດຖະບານ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ

I- ວາລະກອງປະຊຸມ

1- ກອງປະຊຸມຄັ້ງທີ 31 ຂອງຄະນະກຳມາທິການຮ່ວມມື ລະຫວ່າງລັດຖະບານ ວ່າດ້ວຍການຮ່ວມມືດ້ານເສດຖະກິດ, ວັດທະນະທຳ, ວິທະຍາສາດ-ເຕັກນິກ ລະຫວ່າງລັດຖະບານ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ໄດ້ດຳເນີນ ແຕ່ວັນທີ 04-08 ມັງກອນ(01) 2009 ທີ່ນະຄອນໂຮ່ຈິມິນ, ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມຫວຽດນາມ.

ຄະນະຜູ້ແທນລັດຖະບານຫວຽດນາມ ນຳໂດຍ **ສະຫາຍ ຫງວຽນ ຊີ ຮຸ່ງ**, ກຳມະການກົມ ການເມືອງສູນກາງພັກກອມມູນິດຫວຽດນາມ, ຮອງນາຍົກລັດຖະມົນຕີ ຜູ້ປະຈຳການລັດຖະບານ, ປະທານຄະນະກຳມາທິການຮ່ວມມື ຫວຽດນາມ-ລາວ, ເປັນຫົວໜ້າຄະນະ.

ຄະນະຜູ້ແທນລັດຖະບານລາວ ນຳໂດຍ **ສະຫາຍ ສົມສະຫວາດ ເລັ່ງສະຫວັດ**, ກຳມະການກົມ ການເມືອງສູນກາງພັກປະຊາຊົນປະຕິວັດລາວ, ຮອງນາຍົກລັດຖະມົນຕີ ຜູ້ປະຈຳການລັດຖະບານ, ປະທານ ຄະນະກຳມາທິການຮ່ວມມື ລາວ-ຫວຽດນາມ, ເປັນຫົວໜ້າຄະນະ.

ລາຍຊື່ຄະນະຜູ້ແທນຝ່າຍຫວຽດນາມ ແລະ ຝ່າຍລາວ (ຕໍ່ໄປນີ້ເອີ້ນວ່າສອງຝ່າຍ) ມີສາລະບານ ຄັດຕິດມາພ້ອມນີ້.

2- ສອງຝ່າຍ ໄດ້ເປັນເອກະພາບຕໍ່ວາລະກອງປະຊຸມ, ໂດຍສຸມໃສ່ຕີລາຄາສະພາບການຈັດຕັ້ງ ປະຕິບັດສັນຍາວ່າດ້ວຍຮ່ວມມືດ້ານເສດຖະກິດ, ວັດທະນະທຳ, ວິທະຍາສາດ-ເຕັກນິກ ປີ 2008, ປຶກສາຫາລືທິດທາງແຜນການຮ່ວມມື ປີ 2009; ເຊັນບົດບັນທຶກກອງປະຊຸມຄັ້ງທີ 31 ແລະ ສັນຍາ ວ່າດ້ວຍການຮ່ວມມືດ້ານເສດຖະກິດ, ວັດທະນະທຳ, ວິທະຍາສາດ-ເຕັກນິກ ລະຫວ່າງ ລັດຖະບານ ຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານລາວ ປີ 2009.

II- ຕີລາຄາສະພາບການປະຕິບັດສັນຍາຮ່ວມມື ປີ 2008.

ບົນພື້ນຖານສັນຍາວ່າດ້ວຍການຮ່ວມມື ດ້ານເສດຖະກິດ, ວັດທະນະທຳ, ວິທະຍາສາດ - ເຕັກນິກ ໄລຍະ ປີ 2006-2010 ລະຫວ່າງ ລັດຖະບານຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານລາວ ທີ່ໄດ້ເຊັນ ກັນຄັ້ງວັນທີ 04 ເດືອນ 01 ປີ 2006 ທີ່ນະຄອນຫລວງວຽງຈັນ, ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ແລະ ສັນຍາຮ່ວມມື ປີ 2008, ສອງຝ່າຍ ໄດ້ແລກປ່ຽນ ແລະ ຮັບຊາບ ເປັນເອກະພາບ ກ່ຽວກັບສະພາບການປະຕິບັດສັນຍາຮ່ວມມື ປີ 2008 ຄືດັ່ງລຸ່ມນີ້:

1- ປີ 2008, ສອງຝ່າຍ ໄດ້ຜັນຂະຫຍາຍປະຕິບັດບັນດາຂໍ້ຕົກລົງ, ແກ້ໄຂບັນຫາຕ່າງໆ ທີ່ເກີດຂຶ້ນຢ່າງທັນການ. ບັນດາກະຊວງ, ຂະແໜງການ, ທ້ອງຖິ່ນສອງຝ່າຍ ໄດ້ມີການເຄື່ອນໄຫວຊ່ວຍເຫລືອເຊິ່ງກັນ ແລະ ກັນ ດ້ວຍຫລາຍຮູບການ ແລະ ມີປະສິດທິຜົນ, ການຮ່ວມມືດ້ານເສດຖະກິດ, ວັດທະນະທຳ, ວິທະຍາສາດ - ເຕັກນິກ ລະຫວ່າງສອງປະເທດ ບັນລຸໄດ້ໝາກຜົນຢ່າງຕັ້ງໜ້າ.

2- ການຮ່ວມມືດ້ານການສຶກສາ ແລະ ກໍ່ສ້າງ ໄດ້ຮັບການບູລິມະສິດຈາກສອງຝ່າຍ, ຈຳນວນນັກຮຽນຮັບໃໝ່ໃນປີ 2008 ຍັງຮັກສາຢູ່ໃນລະດັບສູງ ຈຳນວນ 718 ຄົນ, ເພີ້ມຂຶ້ນ 12% ທຽບໃສ່ປີ 2007, ເພີ້ມຂຶ້ນ 10,8% ທຽບໃສ່ແຜນການທີ່ໄດ້ຕົກລົງໃນຕົ້ນປີ. ສອງຝ່າຍ ສືບຕໍ່ເອົາໃຈໃສ່ກໍ່ສ້າງ ດ້ວຍຫລາຍຮູບການທີ່ສອດຄ່ອງກັບແຕ່ລະເປົ້າໝາຍ, ນຳໃຊ້ມາດຕະການຕ່າງໆ ທີ່ແທດຕົວຈິງ ແນໃສ່ຍົກສູງຄຸນນະພາບການກໍ່ສ້າງ.

ການພົວພັນການຄ້າ, ການລົງທຶນ ມີການຫັນປ່ຽນຢ່າງຕັ້ງໜ້າ. ມູນຄ່າການຄ້າຂາອອກ-ຂາເຂົ້າ ລະຫວ່າງສອງປະເທດ ໃນ 10 ເດືອນຕົ້ນປີ 2008 ບັນລຸ 374,4 ລ້ານໂດລາສະຫະລັດ (ຄາດຄະເນໝົດ ປີ 2008, ບັນລຸ 450 ລ້ານໂດລາສະຫະລັດ, ເພີ້ມຂຶ້ນ 44% ທຽບໃສ່ປີ 2007). ໃນນັ້ນ, ມູນຄ່າການສົ່ງອອກຂອງລາວໄປຫວຽດນາມ ບັນລຸໄດ້ 248,8 ລ້ານໂດລາສະຫະລັດ (ເພີ້ມຂຶ້ນ 35% ທຽບໃສ່ໄລຍະດຽວກັນ), ລາວນຳເຂົ້າ ຈາກຫວຽດນາມ ບັນລຸໄດ້ 125,6 ລ້ານໂດລາສະຫະລັດ (ເພີ້ມຂຶ້ນ 50% ທຽບໃສ່ໄລຍະດຽວກັນ). ການເຄື່ອນໄຫວລົງທຶນຂອງບັນດາວິສາຫະກິດຫວຽດນາມຢູ່ລາວ ນັບມື້ນັບມີຄວາມສະຫງົບປົກກະຕິ ແລະ ມີຄວາມກ້າວໜ້າກ່ວາເກົ່າ. ມາຮອດເດືອນ 11/2008, ລັດຖະບານລາວ ໄດ້ອອກໃບອະນຸຍາດການລົງທຶນໃຫ້ແກ່ 157 ໂຄງການ, ມູນຄ່າ 810,877 ລ້ານໂດລາສະຫະລັດ. ພົ້ນເດັ່ນແມ່ນໃນປີ 2008, ຫວຽດນາມຢູ່ໃນອັນດັບ 01 ຂອງບັນດາປະເທດ ທີ່ກຳລັງລົງທຶນຢູ່ລາວ; ໃນນັ້ນ, ມີຫລາຍໂຄງການທີ່ມີຂະໜາດໃຫຍ່ ແລະ ມູນຄ່າການລົງທຶນສູງ ໃນຂົງເຂດພະລັງງານໄຟຟ້າ, ບໍ່ແຮ່ ແລະ ປູກຕົ້ນໄມ້ອຸດສາຫະກຳ. ຄວາມຄືບໜ້າຂອງໂຄງການຕ່າງໆ ພວມໄດ້ຮັບການຜັນຂະຫຍາຍປະຕິບັດຈາກບັນດາບໍລິສັດ ຕາມການຕົກລົງທີ່ໄດ້ເຊັນກັນ.

ບັນດາໂຄງການທີ່ນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫລືອ ເຖິງວ່າຈະພົບຄວາມຫຍຸ້ງຍາກ ກ່ຽວກັບການເໜັງຕີງຂອງລາຄາວັດສະດຸກໍ່ສ້າງ ແລະ ນ້ຳມັນເຊື້ອໄຟ ແຕ່ຄວາມຄືບໜ້າໃນການປະຕິບັດໂຄງການຕ່າງໆ ກໍ່ໄດ້ບັນລຸຕາມທີ່ໄດ້ຕົກລົງກັນ, ຮັບປະກັນປະຕິບັດສຳເລັດ, ມອບ-ຮັບ ຖືກຕ້ອງຕາມກຳນົດເວລາ.

ການຮ່ວມມືລະຫວ່າງ ທ້ອງຖິ່ນຕ່າງໆ ໂດຍສະເພາະບັນດາທ້ອງຖິ່ນຊາຍແດນ ແມ່ນນັບມື້ນັບເຂົ້າສູ່ລວງເລິກ, ມີປະສິດທິຜົນ, ປະກອບສ່ວນເຂົ້າໃນການປັບປຸງ ແລະ ເສີມຂະຫຍາຍສາຍພົວພັນພິເສດ ແລະ ການຮ່ວມມືຮອບດ້ານລະຫວ່າງສອງປະເທດ. ການຮ່ວມມືພັດທະນາຮອບດ້ານເຂດຊາຍແດນ ໃຫ້ມີສະຖຽນລະພາບ, ສອງຝ່າຍໄດ້ເອົາໃຈໃສ່ລົງທຶນໃນຫລາຍກິດຈະການ, ໂຄງການ ທີ່ແທດກັບຕົວຈິງ ເຊິ່ງພວມໄດ້ຮັບການຜັນຂະຫຍາຍ ແລະ ໄດ້ຮັບໝາກຜົນຢ່າງໜ້າເພິ່ງພໍໃຈ, ປະກອບສ່ວນຢ່າງຕັ້ງໜ້າເຂົ້າໃນການຮັບປະກັນຄວາມສະຫງົບທາງດ້ານການເມືອງຢູ່ເຂດຊາຍແດນ.

ບັນດາກົນໄກ ແນໃສ່ສ້າງເງື່ອນໄຂສະດວກໃຫ້ແກ່ຄົນ, ພາຫະນະ, ສິນຄ້າຜ່ານຊາຍແດນ ລະຫວ່າງສອງປະເທດ ໄດ້ເສີມຂະຫຍາຍປະສິດທິຜົນໃນເບື້ອງຕົ້ນ, ປະກອບສ່ວນຊຸກຍູ້ການຮ່ວມມື ລົງທຶນ, ການຄ້າລະຫວ່າງສອງຝ່າຍ ຢ່າງແຂງແຮງ.

ຢ່າງໃດກໍ່ດີ, ໝາກຜົນການຮ່ວມມື ລະຫວ່າງສອງຝ່າຍ ຍັງບໍ່ທັນບັນລຸໄດ້ຕາມຄວາມຕ້ອງການ, ບໍ່ທັນເສີມຂະຫຍາຍຄວາມອາດສາມາດປົ່ມຊ້ອນ, ການພົວພັນ ແລະ ການບູລິມະສິດຜ່ອນຜັນ ເຊິ່ງກັນ ແລະ ກັນ ລະຫວ່າງສອງປະເທດຢ່າງແຂງແຮງ ແລະ ມີປະສິດທິຜົນ.

ຈຳນວນນັກຮຽນ ໄປຮຽນຫລາຍ ແຕ່ຄຸນນະພາບການກໍ່ສ້າງບໍ່ທັນສະໝໍ່າສະເໝີ, ຜົນການຮ່ຳຮຽນ ກໍ່ມີການຫັນປ່ຽນ ແຕ່ຍັງບໍ່ທັນສະໝໍ່າສະເໝີ ຢູ່ໃນໂຮງຮຽນຕ່າງໆ, ຕ້ອງມີການປະສານສົມທົບ ໃຫ້ແໜ້ນແຟ້ນກ່ວາເກົ່າ ລະຫວ່າງສອງຝ່າຍ ໃນການຈັດຕັ້ງ, ປຸກລະດົມ, ສົ່ງເສີມຂະບວນການຍົກສູງຄຸນນະພາບການກໍ່ສ້າງໃນໝູ່ນັກຮຽນ, ນັກສຶກສາ. ມູນຄ່າການຄ້າລະຫວ່າງສອງປະເທດ ເພີ້ມຂຶ້ນ ແຕ່ຈັງຫວະຍັງຊັກຊ້າ, ຮຽກຮ້ອງຕ້ອງມີຫລາຍມາດຕະການກ່ວາເກົ່າ ເພື່ອເສີມຂະຫຍາຍຢ່າງສັງລວມ ບັນດາຄວາມອາດສາມາດປົ່ມຊ້ອນຂອງທຸກພາກສ່ວນເສດຖະກິດ, ປະກອບສ່ວນປະຕິບັດມູນຄ່າການຄ້າຂາອອກ-ຂາເຂົ້າລະຫວ່າງສອປະເທດ ໃຫ້ບັນລຸຕາມເປົ້າໝາຍ 1 ຕື້ ໂດລາສະຫະລັດ ໃນປີ 2010 ແລະ 2 ຕື້ໂດລາສະຫະລັດ ໃນປີ 2015.

ການເຄື່ອນໄຫວລົງທຶນບັນລຸໝາກຜົນທີ່ຕັ້ງໜ້າ, ແຕ່ການປະຕິບັດລະບອບລາຍງານຂອງເກືອບທຸກບໍລິສັດບໍ່ທັນໄດ້ປະຕິບັດຕາມຂໍ້ກຳນົດ; ຍັງມີບາງວິສາຫະກິດ ລະເມີດຂໍ້ກຳນົດຕ່າງໆ, ຂັດແຍ່ງພາຍໃນ, ຍາດຊິງໂຄງການ, ເຮັດໃຫ້ເສຍຄວາມສາມັກຄີພາຍໃນບັນດາວິສາຫະກິດຫວຽດນາມ... ສິ່ງຜົນສະທ້ອນຕໍ່ພາບພົດ ແລະ ໝາກຜົນທີ່ຍາດມາໄດ້ຂອງບັນດາວິສາຫະກິດຫວຽດນາມ.

ການຜັນຂະຫຍາຍໂຄງການນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫລືອຈຳນວນໜຶ່ງ ຍັງຊັກຊ້າ, ການກະກຽມໂຄງການຍັງແກ່ຍາວ, ເຮັດໃຫ້ມູນຄ່າໂຄງການເພີ້ມຂຶ້ນທຽບໃສ່ການອະນຸມັດໃນເບື້ອງຕົ້ນ, ມີຜົນສະທ້ອນຕໍ່ແຜນການທີ່ສອງຝ່າຍໄດ້ຕົກລົງກັນ.

III- ທິດທາງ ແລະ ໜ້າທີ່ຕົ້ນຕໍ ກ່ຽວກັບການຮ່ວມມືດ້ານເສດຖະກິດ, ວັດທະນະທຳ, ວິທະຍາສາດ - ເຕັກນິກ ປີ 2009.

ໂດຍປະຕິບັດຕາມຈິດໃຈຊີ້ນຳ ຂອງກົມການເມືອງສູນກາງພັກປະຊາຊົນ ປະຕິວັດລາວ ແລະ ກົມການເມືອງສູນກາງພັກກອມມູນິດຫວຽດນາມ; ບົນພື້ນຖານສັນຍາຮ່ວມມື ດ້ານເສດຖະກິດ, ວັດທະນະທຳ, ວິທະຍາສາດ-ເຕັກນິກ ໄລຍະ 2006-2010 ລະຫວ່າງສອງລັດຖະບານ ແລະ ອີງໃສ່ສະພາບການຕົວຈິງ ຂອງສອງປະເທດ ແລະ ພາກພື້ນ, ສອງຝ່າຍ ຢືນຢັນຄວາມຕັດສິນໃຈໃນການສືບຕໍ່ປັບປຸງ ແລະ ເສີມຂະຫຍາຍສາຍພົວພັນມິດຕະພາບທີ່ເປັນມູນເຊື້ອ, ຄວາມສາມັກຄີພິເສດ ແລະ ການຮ່ວມມືຮອບດ້ານ ລະຫວ່າງສອງປະເທດໃນໄລຍະໃໝ່ຢ່າງບໍ່ຢຸດຢັ້ງ; ສືບຕໍ່ປະຕິບັດ 6 ແຜນງານ ທີ່ເປັນເປົ້າໝາຍ ທີ່ໄດ້ຕົກລົງກັນໃນສັນຍາຮ່ວມມື ໄລຍະ 2006-2010 ລະຫວ່າງສອງລັດຖະບານ, ໃນປີ 2009 ສອງຝ່າຍຕົກລົງບັນດາບັນຫາການຮ່ວມມື, ລະອຽດຄືດັ່ງລຸ່ມນີ້:

1- ດ້ານການກໍ່ສ້າງພັດທະນາຊັບພະຍາກອນມະນຸດ, ສອງຝ່າຍຢືນຢັນສືບຕໍ່ປະຕິບັດອະນຸສັນ ຍາວ່າດ້ວຍການຮ່ວມມື ດ້ານການກໍ່ສ້າງພະນັກງານ, ນັກສຶກສາ ທີ່ໄດ້ເຊັນກັນຄັ້ງວັນທີ 15 ເດືອນ ມັງກອນ(01) ປີ 2002. ສືບຕໍ່ໃຫ້ບູລິມະສິດ ແກ່ການບໍາລຸງ ກໍ່ສ້າງພະນັກງານການເມືອງ, ພະນັກງານ ຄຸ້ມຄອງຕາມລະດັບການສຶກສາຊັ້ນຕ່າງໆ; ພະນັກງານທ້ອງຖິ່ນ ຢູ່ເຂດສາມຫລ່ຽມພັດທະນາສາມ ປະເທດກໍາປູເຈັຍ-ລາວ-ຫວຽດນາມ (CLV) ແລະ ບັນດາແຂວງທີ່ມີຊາຍແດນຕິດກັບຫວຽດນາມ; ພະນັກງານ ບັນດາກະຊວງ, ຂະແໜງການ, ທ້ອງຖິ່ນຂອງລາວ ທີ່ໄດ້ບໍາລຸງສ້າງຢູ່ຫວຽດນາມ ແລະ ພະນັກງານທີ່ ພວມເຮັດວຽກຢູ່ບັນດາກິດຈະການ, ໂຄງການຮ່ວມມື ລະຫວ່າງສອງຝ່າຍ.

ມອບໃຫ້ສອງກະຊວງສຶກສາ ແລະ ກໍ່ສ້າງ ສອງປະເທດປະຕິບັດບັນດາມາດຕະການຍົກສູງຄຸນ ນະພາບການກໍ່ສ້າງຢ່າງເຂັ້ມງວດ, ຮັບປະກັນຂອດການສອບເສັງຄັດເລືອກສິ່ງໄປຮຽນ (ສິ້ນເຂົ້າ); ເພີ້ມ ທະວີການຕິດຕາມ, ກວດກາ, ຄຸ້ມຄອງນັກສຶກສາລາວ, ປະຕິບັດລະບຽບການຮຽນຢ່າງເຂັ້ມງວດ; ດໍາເນີນການສະຫລຸບຕີລາຄາຮອບດ້ານ ກ່ຽວກັບການຮ່ວມມືດ້ານການສຶກສາ ລະຫວ່າງສອງປະເທດ ໃນໄລຍະຜ່ານມາ, ກໍານົດບັນດາມາດຕະການແກ້ໄຂ ເພື່ອລາຍງານໃຫ້ສອງລັດຖະບານ ໃນກອງປະຊຸມ ກາງສະໄໝ ປີ 2009. ຕົກລົງສືບຕໍ່ການລົງທຶນ ຍົກລະດັບພື້ນຖານວັດຖຸການດໍາລົງຊີວິດໃຫ້ແກ່ພະນັກ ງານ, ນັກສຶກສາຂອງແຕ່ລະຝ່າຍ.

ສອງຝ່າຍສົ່ງເສີມການກໍ່ສ້າງພະນັກງານ, ນັກສຶກສາຂອງແຕ່ລະຝ່າຍ ໃນແຕ່ລະຂະແໜງ ການ, ຂັ້ນຮຽນຕ່າງໆ ດ້ວຍແຫລ່ງທຶນສ່ວນຕົວຂອງບຸກຄົນ ຫລື ດ້ວຍແຫລ່ງທຶນຂອງ ບັນດາການຈັດຕັ້ງ, ວິສາຫະກິດ, ປະເທດອື່ນໆ ຊ່ວຍເຫລືອ.

2- ສອງຝ່າຍສົ່ງເສີມ, ປະສານສົມທົບສ້າງ ແລະ ຈັດຕັ້ງປະຕິບັດບັນດາແຜນການ, ຕົວແບບ ການຮ່ວມມືລົງທຶນໃນດ້ານການຜະລິດກະສິກໍາ, ປ່າໄມ້ ຢູ່ບັນດາເຂດຊາຍແດນສອງປະເທດ, ເປັນຕົ້ນ ແມ່ນການປູກພືດ, ລ້ຽງສັດ, ລ້ຽງປາ, ປູກໄມ້, ຂະຫຍາຍເຄື່ອງປ່າຂອງດົງ ແລະ ຮ່ວມກັນຄຸ້ມຄອງຊັບ ພະຍາກອນທໍາມະຊາດແບບຍືນຍົງ; ສ້າງແຜນກໍານົດການພັດທະນາເສດຖະກິດ-ສັງຄົມ ພ້ອມກັບການ ບູລິມະສິດແຫລ່ງທຶນ ເພື່ອລົງທຶນກໍ່ສ້າງບັນດາເສັ້ນທາງເຊື່ອມຕໍ່ ລະຫວ່າງສອງປະເທດ; ອໍານວຍເງື່ອນ ໄຂສະດວກໃຫ້ແກ່ການສ້າງ ແລະ ພັດທະນາຕະຫລາດຊາຍແດນ ຢູ່ເຂດເສດຖະກິດດ່ານຊາຍແດນ, ຊຸກຍູ້ການພັດທະນາການຄ້າຊາຍແດນ; ສືບຕໍ່ພິຈາລະນາຍົກລະດັບຄູ່ດ່ານຊາຍແດນຕ່າງໆ ໂດຍສອດ ຄ່ອງກັບສະພາບການພັດທະນາຂອງສອງປະເທດ. ສົ່ງເສີມການຮ່ວມມືພັດທະນາລະຫວ່າງ ບັນດາທ້ອງ ຖິ່ນຊາຍແດນສອງປະເທດ ແລະ ສະກັດກັ້ນການຄ້າຊາຍລັບຫລີກໜີພາສີ, ການຄ້າຊາຍທີ່ຜິດກົດ ໝາຍ. ໂດຍສະເພາະແມ່ນບູລິມະສິດການຮ່ວມມືລົງທຶນ ຢູ່ບັນດາແຂວງທີ່ທຸກຍາກ, ເຂດຫ່າງໄກສອກ ຫລີກຂອງລາວ ທີ່ມີຊາຍແດນຕິດກັບຫວຽດນາມ ແນໃສ່ແກ້ໄຂຄວາມທຸກຍາກ ແລະ ຍົກລະດັບຊີວິດ ການເປັນຢູ່ຂອງປະຊາຊົນ.

ສືບຕໍ່ຊຸກຍູ້ໂຄງການຮ່ວມມື ແລະ ແລກປ່ຽນບົດຮຽນໃນຂົງເຂດກະສິກໍາ, ປ່າໄມ້, ການປະມົງ, ອຸ ຕຸນິຍົມ-ອຸທິກກະສາດ, ສິ່ງແວດລ້ອມ, ການຄຸ້ມຄອງຊັບພະຍາກອນດ້ວຍຫລາຍຮູບການ; ເອົາການປົກ ປັກຮັກສາປ່າໄມ້ຕິດພັນກັບການຈັດຕັ້ງພູມລໍາເນົາຄົງທີ່ ແລະປົກປັກຮັກສາສິ່ງແວດລ້ອມ ໂດຍສະເພາະ ຢູ່ເຂດຊາຍແດນ.

3- ສົ່ງເສີມ ແລະ ອຳນວຍເງື່ອນໄຂໃຫ້ແກ່ການເຄື່ອນໄຫວພົວພັນແລກປ່ຽນວັດທະນະທຳ, ສົ່ງເສີມ ແລະ ໂຄສະນາການທ່ອງທ່ຽວ, ລາຍການທ່ອງທ່ຽວຄົບວົງຈອນ ແລະ ເຊື່ອມຕໍ່ລະຫວ່າງສອງປະເທດ ແນໃສ່ຕອບສະໜອງຄວາມຕ້ອງ ການໃນການທ່ອງທ່ຽວຂອງປະຊາຊົນສອງປະເທດ ແລະ ນັກທ່ອງທ່ຽວຈາກປະເທດທີສາມ ມາທ່ຽວສອງປະເທດດ້ວຍທາງບົກ, ທາງອາກາດ; ປະສານສົມທົບກັບ ກຳປູເຈ ເພື່ອປະຕິບັດລາຍການ "ສາມປະເທດ-ຈຸດໝາຍປາຍທາງທ່ອງທ່ຽວອັນດຽວ".

ຝ່າຍຫວຽດນາມ ຊ່ວຍຝ່າຍລາວ ຈັດຕັ້ງໃຫ້ສຳເລັດຜົນ ງານມະຫາກຳກິລາ SEAGames ຄັ້ງທີ 25 ປີ 2009 ຢູ່ລາວ ແລະ ຄະນະນັກກິລາລາວ ໃຫ້ໄດ້ຮັບຜົນສຳເລັດສູງ.

ປະສານສົມທົບກັນຮ່ວມມືໃນຂົງເຂດປ້ອງກັນ, ຄວບຄຸມ, ຕ້ານການລະບາດຂອງພະຍາດພະຍຸ ແລະ ປະຕິບັດສັນຍາກວດກາດ້ານສາທາລະນະສຸກຊາຍແດນລະຫວ່າງສອງປະເທດ.

ສອງຝ່າຍເປັນເອກະພາບ ເພີ້ມທະວີການຮ່ວມມືໃນຂົງເຂດຂ່າວສານໜັງສືພິມ, ການພິມຈຳໜ່າຍ, ວິທະຍຸ, ໂທລະພາບ. ຝ່າຍຫວຽດນາມ ກຽມພ້ອມສົ່ງຊ່ຽວຊານ ແລະ ແລກປ່ຽນບົດຮຽນ ກ່ຽວກັບ ບັນດາບັນຫາວັດທະນະທຳ, ສັງຄົມ, ຖະແຫລງຂ່າວ, ໂທລະຄົມມະນາຄົມ, ວຽກເຮັດງານທຳ, ການລົບລ້າງຄວາມທຸກຍາກ; ການຮ່ວມມືຢ່າງແໜ້ນແຟ້ນ ເພື່ອກວດກາສະກັດກັ້ນການຫລົບຫລີກໜີພາສີ, ການຄ້າຂາຍທີ່ຜິດກົດໝາຍ, ການຄ້າຂາຍ, ຂົນສົ່ງທາດເສບຕິດທີ່ຜິດກົດໝາຍຜ່ານຊາຍແດນ; ການຄ້າແມ່ຍິງ ແລະ ເດັກນ້ອຍ.

ສອງຝ່າຍດຳເນີນການແລກປ່ຽນນັກຂ່າວໜັງສືພິມ ແນໃສ່ເພີ້ມທະວີຄວາມເຂົ້າໃຈເຊິ່ງກັນ ແລະ ກັນ ທາງດ້ານເສດຖະກິດ, ວັດທະນະທຳ, ວິທະຍາສາດ-ເຕັກນິກ, ສັງຄົມ ລະຫ່ວາງປະຊາຊົນສອງປະເທດ ແລະ ໃນພາກພື້ນ.

ສອງຝ່າຍບູລິມະສິດ, ອຳນວຍເງື່ອນໄຂສະດວກໃນການປະສານສົມທົບກັນຊອກຄົ້ນ, ເກັບກູ້, ທ້ອນໂຮມອັດຖິຂອງທະຫານອາສາສະໝັກຫວຽດນາມທີ່ເສຍສະຫລະຊີວິດໃນປາງສົງຄາມຢູ່ລາວ ເພື່ອຈັດສົ່ງກັບຄືນປະເທດ.

4- ສອງຝ່າຍສະໜັບສະໜູນ ແລະ ມອບໃຫ້ຂະແໜງການຄ້າສອງຝ່າຍ ເປັນເຈົ້າການປະສານສົມທົບກັບບັນດາກະຊວງ, ຂະແໜງການ, ທ້ອງຖິ່ນສອງປະເທດ ຜັນຂະຫຍາຍປະຕິບັດໂຄງການພັດທະນາການຄ້າລະຫວ່າງສອງປະເທດໄລຍະ 2008-2015 ໃຫ້ສຳເລັດຜົນຕາມເປົ້າໝາຍມູນຄ່າການຄ້າລະຫວ່າງສອງປະເທດບັນລຸ 1 ຕື້ ໂດລາສະຫະລັດໃນປີ 2010, 2 ຕື້ ໂດລາສະຫະລັດໃນປີ 2015. ສືບຕໍ່ບູລິມະສິດຜ່ອນຜັນໃຫ້ແກ່ກັນ ບົນພື້ນຖານການພົວພັນພິເສດທີ່ມີຢູ່ແລ້ວ, ສືບຕໍ່ປະຕິບັດບັນດາກົນໄກ ຜ່ອນຜັນດ້ານອັດຕາພາສີຂາເຂົ້າເຊິ່ງກັນ ແລະ ກັນ ສຳລັບສິນຄ້າທີ່ມີແຫລ່ງກຳເນີດຈາກສອງປະເທດ ຕາມທີ່ໄດ້ຕົກລົງກັນ; ຄົ້ນຄ້ວາເປີດກ້ວາງລາຍການບັນດາປະເພດສິນຄ້າທີ່ໄດ້ຮັບອັດຕາພາສີຂາເຂົ້າ 0%.

ນັບແຕ່ປີ 2009 ເປັນຕົ້ນໄປ, ສຳລັບບັນຊີສິນຄ້າທີ່ໄດ້ຮັບບູລິມະສິດຫລຸດຜ່ອນອັດຕາພາສີແຕ່ 0% ຫາ 50% ຂອງສອງຝ່າຍ ຈະໄດ້ສືບຕໍ່ປະຕິບັດໂດຍອັດຕະໂນມັດໃນຊຸມປີຕໍ່ໄປ; ຖ້າມີການປ່ຽນ

ແປງ ຫລື ເພີ້ມເຕີມໃໝ່ລາຍການສິນຄ້າໃນບັນຊີ, ສອງຝ່າຍຈະສືບຕໍ່ຄົ້ນຄ້ວາເປີດກ້ວາງອອກຕື່ມ. ຝ່າຍລາວສະເໜີຝ່າຍຫວຽດນາມພິຈາລະນາ ແກ້ໄຂສິ່ງເງື່ອນທີ່ໄດ້ເສຍພາສີ ໃຫ້ແກ່ບັນດາບໍລິສັດສິ່ງອອກ ປະເພດອາໄລ່ລິດຈັກຂອງລາວ ຕາມລາຍການສິນຄ້າທີ່ໄດ້ຮັບບູລິມະສິດ ທີ່ໄດ້ປະຕິບັດ ແຕ່ວັນທີ 1 ເດືອນ 1 ປີ 2008. ສືບຕໍ່ເພີ້ມທະວີການແລກປ່ຽນບົດຮຽນໃນຂົງເຂດຕ່າງໆ ທີ່ຕ່າງຝ່າຍມີຄວາມສົນໃຈ ໃນການ ເຊື່ອມໂຍງເຂົ້າກັບສາກົນ ແລະ ພາກພື້ນ, ການຄຸ້ມຄອງຕະຫລາດ; ປະສານສົມທົບກັນສະກັດກັ້ນການຄ້າຂາຍຫລົບຫລີກໜີພາສີ ແລະ ການຄ້າຂາຍທີ່ຜິດກົດໝາຍ.

ປະສານສົມທົບກັນສ້າງແຜນການຮ່ວມມື ລົງທຶນ ຂອງບັນດາວິສາຫະກິດສອງປະເທດ ທີ່ລົງທຶນເຂົ້າແຕ່ລະປະເທດໃນຊຸມປີຕໍ່ໜ້າ, ຊອກມາດຕະການ ເພື່ອເຮັດໃຫ້ແຫລ່ງພະລັງການລົງທຶນ ມີຫລາຍຮູບການທີ່ເໝາະສົມ, ຊອກມາດຕະການເປີດກ້ວາງການລົງທຶນໃນຂົງເຂດຕ່າງໆ ຢູ່ແຕ່ລະປະເທດ. ໂຄສະນາກົດໝາຍການລົງທຶນຂອງແຕ່ລະປະເທດ ດ້ວຍພາສາລາວ ແລະ ພາສາຫວຽດ ຢ່າງກ້ວາງຂວາງ; ສ້າງກົນໄກນະໂຍບາຍ, ບູລິມະສິດຜ່ອນຜັນ ແນໃສ່ຊຸກຍູ້ການລົງທຶນຂອງຫວຽດນາມ ຢູ່ລາວ ແລະ ການລົງທຶນຂອງລາວ ຢູ່ຫວຽດນາມ; ສິ່ງເສີມບັນດາວິສາຫະກິດລາວ ແລະ ຫວຽດນາມ, ສ້າງຕັ້ງຮູບແບບວິສາຫະກິດປະສົມ ເພື່ອຮ່ວມມືລົງທຶນນຳກັນ. ສ້າງເງື່ອນໄຂໃຫ້ບັນດາວິສາຫະກິດ ປະຕິບັດບັນດາຂໍ້ກຳນົດ, ກົນໄກ ແລະ ລະບຽບກົດໝາຍທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ ຂອງແຕ່ລະປະເທດຢ່າງຄົບຖ້ວນ; ປະຕິບັດຢ່າງເຂັ້ມງວດລະບອບລາຍງານເປັນປົກກະຕິຕໍ່ບັນດາອົງການທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ ຂອງສອງຝ່າຍ.

ສິ່ງເສີມບັນດາວິສາຫະກິດ, ທຸກພາກສ່ວນເສດຖະກິດ ຂອງແຕ່ລະຝ່າຍ ລົງທຶນໃນຂົງເຂດອຸດສາຫະກຳ, ກະສິກຳ, ການປຸງແຕ່ງ, ພະລັງງານໄຟຟ້າ, ບໍ່ແຮ່, ການບໍລິການ... ຢູ່ແຕ່ລະປະເທດ; ບູລິມະສິດໃຫ້ແກ່ບັນດາໂຄງການທີ່ສ້າງວຽກເຮັດງານທຳ ຕິດພັນກັບການລົບລ້າງ ຄວາມທຸກຍາກ, ປະກອບສ່ວນເຮັດໃຫ້ສັງຄົມມີສະຖຽນລະພາບ, ເພີ້ມລາຍຮັບງົບປະມານແຫ່ງຊາດ ແລະ ມູນຄ່າການສິ່ງອອກ; ສິ່ງເສີມບັນດາວິສາຫະກິດໜຸ່ມຂອງສອງປະເທດ ຮ່ວມມືລົງທຶນ ແລະ ຊ່ວຍຊູຍູ້ໜູນ ເຊິ່ງກັນ ແລະ ກັນ ເພື່ອເພີ້ມກຳລັງຄວາມສາມາດ; ສ້າງຄັ້ງຊ່ວຍໜູນການພັດທະນາຊັບພະຍາກອນມະນຸດ ແລະ ກໍ່ສ້າງພື້ນຖານໂຄງລ່າງຢູ່ທ້ອງຖິ່ນຕ່າງໆ.

ຝ່າຍລາວສິ່ງເສີມບັນດາວິສາຫະກິດຫວຽດນາມ ມາລົງທຶນຜະລິດ, ປຸງແຕ່ງສິນຄ້າກະສິກຳ, ປ່າໄມ້ ແລະ ສິນຄ້າປະເພດອື່ນໆ ເພື່ອສິ່ງອອກ; ກໍ່ສ້າງພື້ນຖານໂຄງລ່າງ ຢູ່ເຂດການຄ້າຊາຍແດນ ແດນສະຫວັນ, ແຂວງສະຫວັນນະເຂດ ແລະ ເຂດດ່ານຊາຍແດນອື່ນໆ; ສ້າງບັນດາສູນການຄ້າຫວຽດນາມ ຢູ່ລາວ ແລະ ສູນການຄ້າຂອງລາວ ຢູ່ຫວຽດນາມ, ບັນດາຕົວເມືອງການຄ້າຂອງຫວຽດນາມ ຢູ່ນະຄອນຫລວງວຽງຈັນ, ຫລວງພະບາງ, ສະຫວັນນະເຂດ. ປະສານສົມທົບກັນສ້າງກົນໄກ, ນະໂຍບາຍ ບູລິມະສິດຜ່ອນຜັນໂດຍສອດຄ່ອງກັບຂໍ້ກຳນົດຂອງອົງການການຄ້າໂລກ (WTO) ເປັນພື້ນຖານ ໃຫ້ແກ່ການສ້າງຕັ້ງບັນດາເຂດປຸງແຕ່ງສິ່ງອອກ, ເຂດເສດຖະກິດເປີດ, ເຂດເສດຖະກິດພິເສດ ລຽບຕາມບັນດາເສັ້ນທາງເຊື່ອມຕໍ່ລະຫວ່າງສອງປະເທດ. ເພື່ອອຳນວຍຄວາມສະດວກໃຫ້ແກ່ບັນດາວິສາຫະກິດ, ສອງຝ່າຍປະສານສົມທົບກັນຈັດຕັ້ງກອງປະຊຸມສິ່ງເສີມການລົງທຶນເຂົ້າສູ່ລາວ ຢູ່ພາກໃຕ້ຫວຽດນາມໃນ ປີ 2009.

ສອງຝ່າຍເປັນເອກະພາບກັນ ສືບຕໍ່ສົ່ງເສີມການຊື້ຂາຍກະແສໄຟຟ້າ ຢູ່ລຽບຕາມຊາຍແດນ ສອງປະເທດ; ຊຸກຍູ້ການກໍ່ສ້າງໂຄງການໄຟຟ້ານ້ຳຕົກທີ່ກຳລັງດຳເນີນການກໍ່ສ້າງ ແລະ ບັນດາໂຄງການ ທີ່ໄດ້ເຊັນສັນຍາພັດທະນາໂຄງການ(PDA) ໃຫ້ປະຕິບັດຖືກຕ້ອງຕາມກຳນົດເວລາຂອງໂຄງການ; ສ້າງ ເງື່ອນໄຂເພື່ອໃຫ້ບັນດາວິສາຫະກິດປະຕິບັດຕາມ MOU ທີ່ໄດ້ເຊັນກັນ ແລະ ພິຈາລະນາເຊັນ MOU ບັນດາໂຄງການທີ່ຍັງບໍ່ທັນໄດ້ເຊັນ; ຊຸກຍູ້ບັນດາວິສາຫະກິດ ກະກຽມລົງທຶນກໍ່ສ້າງສາຍສົ່ງໄຟຟ້າ ໃຫ້ ສຳເລັດໄປຕາມກຳນົດເວລາຂອງບັນດາ ໂຄງການຜະລິດໄຟຟ້າ; ຮີບຮ້ອນເປັນເອກະພາບລາຄາຊື້ຂາຍ ກະແສໄຟຟ້າ.

ຝ່າຍຫວຽດນາມຮັບຊາບ ຂໍ້ສະເໜີຂອງຝ່າຍລາວ ກ່ຽວກັບລາຄາຊື້-ຂາຍໄຟຟ້າ ຕ້ອງຮັບປະ ກັນຜົນກຳໄລຂອງຜູ້ລົງທຶນ ຢ່າງສົມເຫດສົມຜົນ (ຕ່ຳສຸດແຕ່ 12% ຫາ 13%).

ສອງຝ່າຍເປັນເອກະພາບກັນຊຸກຍູ້ບັນດາວິສາຫະກິດຫວຽດນາມ ປະຕິບັດວຽກງານການຂອກ ຄົ້ນ, ສຳຫລວດ, ຂຸດຄົ້ນ ແລະ ປຸງແຕ່ງແຮ່ທາດ ໃຫ້ຖືກຕ້ອງຕາມສັນຍາ ທີ່ໄດ້ເຊັນກັນ ແລະ ສືບຕໍ່ ສ້າງເງື່ອນໄຂສະດວກ ແລະ ອອກໃບອະນຸຍາດໃຫ້ແກ່ບັນດາວິສາຫະກິດຫວຽດນາມ ດຳເນີນການ ຂອກຄົ້ນ, ສຳຫລວດ, ຂຸດຄົ້ນແຮ່ທາດຢູ່ລາວ ເພື່ອຮັບໃຊ້ເປົ້າໝາຍການພັດທະນາເສດຖະກິດຂອງ ແຕ່ລະປະເທດ; ສົ່ງເສີມບັນດາວິສາຫະກິດສອງປະເທດຮ່ວມມືລົງທຶນ, ປຸງແຕ່ງ, ຍົກມູນຄ່າຂອງປະ ເພດແຮ່ທາດຕ່າງໆ ແນໃສ່ສ້າງວຽກເຮັດງານທຳ, ປະກອບສ່ວນລົບລ້າງຄວາມທຸກຍາກ ເຮັດໃຫ້ສັງຄົມ, ການປ້ອງກັນຊາດ-ປ້ອງກັນຄວາມສະຫງົບ ມີສະຖຽນລະພາບ.

ສອງຝ່າຍສ້າງເງື່ອນໄຂສະດວກ ເພື່ອດຶງດູດການລົງທຶນ ຂອງບັນດາພາກສ່ວນເສດຖະກິດ ເພື່ອ ຜະລິດບັນດາປະເພດສິນຄ້າສົ່ງອອກ ທີ່ເປັນທ່າແຮງ ແລະ ໄດ້ຮັບບູລິມະສິດໃນການລົງທຶນ; ສົ່ງເສີມ ບັນດາວິສາຫະກິດຫວຽດນາມລົງທຶນໃນການຜະລິດບັນດາປະເພດສິນຄ້າກະສິກຳ, ປ່າໄມ້ ທີ່ເປັນທ່າ ແຮງ, ລວມທັງການປູກໄມ້ອຸດສາຫະກຳຢູ່ເຂດຕ່າງໆ ໂດຍສອດຄ່ອງກັບແຜນກຳນົດການຈັດສັນທີ່ດິນ ແຫ່ງຊາດ ແລະ ແຜນກຳນົດການແບ່ງເຂດການຜະລິດກະສິກຳແບບຍືນຍົງ ແນໃສ່ສ້າງບັນດາເຂດວັດຖຸ ດິບຮັບໃຊ້ໃຫ້ແກ່ການປຸງແຕ່ງ; ການລ້ຽງສັດ; ສອງຝ່າຍສືບຕໍ່ຮ່ວມມືປົກປັກຮັກສາປ່າໄມ້ ແລະ ຂອກບັນ ດາມາດຕະການ ເພື່ອສະກັດກັ້ນການຕັດໄມ້ທຳລາຍປ່າ ແນໃສ່ປົກປັກຮັກສາສິ່ງແວດລ້ອມ ແລະ ຊີວະນາໆພັນ. ລັດຖະບານລາວສືບຕໍ່ສ້າງເງື່ອນໄຂໃຫ້ແກ່ບັນດາວິສາຫະກິດຫວຽດນາມ ລົງທຶນໃນການ ຜະລິດກະສິກຳ ຕາມຮູບແບບ 3+2 ໃນເຂດຕ່າງໆ ທີ່ສາມາດຈັດສັນໃຫ້ໄດ້.

ຝ່າຍລາວຮັບຊາບ ຂໍ້ສະເໜີຂອງຝ່າຍຫວຽດນາມ ກ່ຽວກັບການເຊັນສັນຍາເຊົ່າທີ່ດິນໃຫ້ແກ່ ບັນດາໂຄງການປູກຕົ້ນໄມ້ອຸດສາຫະກຳ ຂອງບັນດາຫົວໜ່ວຍທຸລະກິດຫວຽດນາມ ທີ່ໄດ້ຮັບໃບອະນຸ ຍາດລົງທຶນ.

5- ສອງຝ່າຍເປັນເອກະພາບກັນຊຸກຍູ້ໂດຍໄວ ການຜັນຂະຫຍາຍບາດກ້າວຕໍ່ໄປເພື່ອປະຕິບັດ ການກວດກາສິນຄ້າ ແລະ ພາຫະນະຂົນສົ່ງ ຕາມຮູບການກວດກາ "ປ່ອງດຽວ ແລະ ຈຸດດຽວ" ຢູ່ດ່ານ ສາກົນແດນສະຫວັນ-ລາວບາວ ໂດຍສອດຄ່ອງກັບຂໍ້ກຳນົດຂອງຂອບການຮ່ວມມື GMS. ໃນຕໍ່ໜ້າ,

ສອງຝ່າຍ ຈະຈັດບັນດາກອງປະຊຸມເຜີຍແຜ່ເຊື້ອມຊີມຂໍ້ຕົກລົງຮ່າໂນ້ຍ 2007 ເພື່ອປະຕິບັດຢ່າງເປັນເອກະພາບ ແຕ່ສູນກາງຮອດ ທ້ອງຖິ່ນ ຢູ່ບັນດາຄູ່ດ່ານຊາຍແດນ ລະຫວ່າງສອງປະເທດ. ຝ່າຍລາວ ຈະຊຸກຍູ້ການລົງທຶນກໍ່ສ້າງ, ປັບປຸງສະຖານທີ່ເຮັດວຽກ, ພາຫະນະການຕິດຕໍ່ສື່ສານ ແລະ ບັນດາພື້ນຖານໂຄງລ່າງອື່ນໆ ເພື່ອຕອບສະໜອງຄວາມຕ້ອງການຂອງຮູບການກວດກາດັ່ງກ່າວ.

ສອງຝ່າຍຊຸກຍູ້ການສ້າງຕັ້ງບໍລິສັດຮ່ວມທຸລະກິດ ລາວ-ຫວຽດນາມ ເພື່ອນຳໃຊ້ທ່າເຮືອຫວຸງອ່າງ. ມອບໃຫ້ຂະແໜງການຄົມມະນາຄົມ ຂົນສົ່ງສອງປະເທດ ສືບຕໍ່ເປັນເຈົ້າການປະສານສົມທົບກັບບັນດາອົງການທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ ປະຕິບັດຂໍ້ຕົກລົງກ່ຽວກັບການນຳໃຊ້ທ່າເຮືອຫວຸງອ່າງ ທີ່ໄດ້ເຊັນກັນຄັ້ງວັນທີ 20/07/2001. ດຳເນີນການດັດແກ້ສັນຍາ, ອະນຸສັນຍາການຂົນສົ່ງທາງບົກ ແລະ ບັນດາເນື້ອໃນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ ໂດຍສອດຄ່ອງກັບຂໍ້ຕົກລົງ **"ຮ່າໂນ້ຍ 2007"** ແລະ ບັນດາເອກະສານທີ່ໄດ້ເຊັນກັນ ໃນຂອບການຮ່ວມມືອະນຸພາກພື້ນແມ່ນ້ຳຂອງ (**GMS**). ຝ່າຍລາວສະແດງຄວາມຂອບໃຈຕໍ່ລັດຖະບານຫວຽດນາມ ທີ່ໄດ້ຊ່ວຍເຫລືອສ້າງບົດລາຍງານການສຶກສາເບື້ອງຕົ້ນທາງລົດໄຟ ແຕ່ທ່າແຂກ-ມຸຢາ. ລັດຖະບານລາວ ພວມຕັ້ງໜ້າຊອກແຫລ່ງທຶນຊ່ວຍເຫລືອຈາກປະເທດຕ່າງໆ ເພື່ອຜັນຂະຫຍາຍໂຄງການດັ່ງກ່າວ. ຝ່າຍລາວສົ່ງເສີມບັນດາວິສາຫະກິດຫວຽດນາມມາລົງທຶນຢູ່ລາວ ໃນຂົງເຂດການບິນບໍລິການ, ໂທລະຄົມມະນາຄົມ.

6- ສອງຝ່າຍປະສານສົມທົບກັນຢ່າງແໜ້ນແຟ້ນໃນການຄຸ້ມຄອງແຮງງານຫວຽດນາມ ຢູ່ລາວ ຕາມຂໍ້ກຳນົດກົດໝາຍ ທີ່ໄດ້ປະກາດໃຊ້, ພ້ອມທັງເພີ້ມທະວີການສຶກສາອົບຮົມບັນດາແຮງງານຫວຽດນາມໃຫ້ເຂົ້າໃຈ ແລະ ເຄົາລົບນັບຖືຮີດຄອງປະເພນີຂອງລາວ. ຝ່າຍລາວ ສ້າງເງື່ອນໄຂສະດວກໃຫ້ແກ່ແຮງງານຫວຽດນາມ ໃນການພັກຢູ່ອາໄສ ແລະ ເຮັດວຽກຢູ່ລາວ ໂດຍສອດຄ່ອງກັບລະບຽບກົດໝາຍຂອງລາວ.

7- ສອງຝ່າຍເປັນເອກະພາບກັນ ເພີ້ມທະວີການຮ່ວມມື ໃນຂົງເຂດໄປສະນີ, ໂທລະຄົມມະນາຄົມ ບົນພື້ນຖານສັນຍາລະຫວ່າງສອງລັດຖະບານລາວ ແລະ ຫວຽດນາມ ທີ່ໄດ້ເຊັນກັນ ໃນວັນທີ 06/10/2008.

8- ສອງຝ່າຍຢືນຢັນສືບຕໍ່ປະຕິບັດສັນຍາວ່າດ້ວຍຊາວຕ່າງດ້າວ ລະຫວ່າງ ສປປ ລາວ ແລະ ສສ ຫວຽດນາມ ທີ່ໄດ້ເຊັນກັນຄັ້ງວັນທີ 03/04/1993.

9- ສອງຝ່າຍເປັນເອກະພາບປະຕິບັດໃນປີ 2009:

- ສຳເລັດມອບ-ຮັບ ແລະ ຊຳລະສະສາງໃຫ້ຂາດຕົວບັນດາໂຄງການ: (I) ໂຄງການກໍ່ສ້າງເພີ້ມເຕີມໂຮງຮຽນວິຊາຊີບແຂວງບໍ່ແກ້ວໃຫ້ສົມບູນ, (II) ໂຮງຮຽນວິທະຍາໄລການເງິນດົ່ງຄຳຊ້າງ.

- ບັນດາໂຄງການ ທີ່ບັນຈຸທຶນໃນແຜນການປີ 2008, ປະຕິບັດໃນປີ 2009: (I)ສ້ອມແປງຍົກລະດັບຫໍພິພິທະພັນໄກສອນ ພົມວິຫານ, (II) ກໍ່ສ້າງສະຖານີຖ່າຍທອດວິທະຍຸ, ໂທລະພາບເຂດ ຢູ່ແຂວງຈຳປາສັກ, (III) ກໍ່ສ້າງສະຖານີຖ່າຍທອດວິທະຍຸ, ໂທລະພາບເຂດ ຢູ່ແຂວງຫລວງພະບາງ, (IV) ໂຮງຮຽນສິລະປະດົນຕີແຫ່ງຊາດລາວ, (V) ກໍ່ສ້າງດ່ານສາກົນພູເກົ້ອ ແຂວງອັດຕະປື.

- ສືບຕໍ່ປະຕິບັດບັນດາໂຄງການ: (I) ແປນີ້ພິນເລືອກເຟັ້ນຂອງມາກ-ອັງແກນ-ເລນິນ ແລະ ແນວ ຄິດໂຮ່ຈິມິນ ຈາກພາສາຫວຽດເປັນພາສາລາວ, (II) ປັກຫລັກໝາຍຖີ່ ແລະ ບູລະນະລະບົບ ຫລັກໝາຍຊາຍແດນປະເທດລາວ-ຫວຽດນາມ, (III) ຮຽບຮຽງປັ້ມປະຫວັດສາດການພົວພັນພິເສດ ລາວ-ຫວຽດນາມ, (IV) ກໍ່ສ້າງສວນສາທາລະນະ ໄຊເສດຖາ ແລະ ສະໜາມຫລວງທາດຫລວງ, (V) ສ້າງແຜນຍຸດທະສາດການຮ່ວມມື ລາວ-ຫວຽດນາມ ໄລຍະ 2011-2020 ໂດຍຕິດພັນກັບການ ສ້າງແຜນການ ແລະ ຍຸດທະສາດການພັດທະນາຮອດປີ 2020 ຂອງແຕ່ລະປະເທດ, (VI) ສູນສຳ ເນົາເອກະສານແຫ່ງຊາດລາວ, (VII) ໂຮງຮຽນມັດທະຍົມສົມບູນມິດຕະພາບລາວ-ຫວຽດນາມ, (VIII) ໂຄງການຟື້ນຟູໂຮງພິມແຜນທີ່ກອງທັບລາວ, (IX) ສ້າງແຜນກຳນົດແບ່ງເຂດປູກຕົ້ນໄມ້ອຸດ ສາຫະກຳຢູ່ພາກໃຕ້ລາວ, (X) ສູນວິທະຍາສາດເຕັກນິກອາຍາ, ກະຊວງປ້ອງກັນຄວາມສະຫງົບລາວ, (XI) ສູນຝຶກກິລາແຫ່ງຊາດລາວ.

- ກະກຽມບັນດາໂຄງການໃໝ່: (I) ຍຸດທະສາດການພັດທະນາກະສິກຳ, ຊົນນະບົດ ແລະ ຊາວ ກະສິກອນລາວ, (II) ຊ່ວຍໜູນການພັດທະນາກະສິກຳ, ຊົນນະບົດ ແລະ ການຜະລິດສິນຄ້າຢູ່ບັນດາ ໝູ່ບ້ານໃນເຂດຊົນລະປະທານດົງໂພສີ ແລະ ທ່າພະ-ໜອງພົງ, (III) ກໍ່ສ້າງສະຖາບັນການເມືອງ-ການ ປົກຄອງແຫ່ງຊາດລາວ ໄລຍະ **II**, (IV) ຍົກລະດັບຄວາມສາມາດຂະແໜງການຍຸຕິທຳລາວ, (V) ໂຮງ ຮຽນສາມັນກົນນອນຊົນເຜົ່າແຂວງຫົວພັນ, (VI) ສ້າງແຜນການສົ່ງເສີມຍົກລະດັບຄວາມສາມາດການ ຄຸ້ມຄອງລັດດ້ານໄປສະນີ, ຄົມມະນາຄົມ.

10- ກ່ຽວກັບສິນເຊື່ອຜ່ອນຜັນ: ກະຊວງການເງິນສອງປະເທດສຳເລັດການເຈລະຈາ, ເຊັນສັນ ຍາສິນເຊື່ອຜ່ອນຜັນໃຫ້ແລ້ວກ່ອນເດືອນ 02 ປີ 2009 ເພື່ອຜັນຂະຫຍາຍໂຄງການກໍ່ສ້າງເສັ້ນທາງ **2E** ເມືອງຂວາ-ໄຕຈາງ ຕາມທີ່ໄດ້ຕົກລົງກັນ ໂດຍໄວ.

11- ສອງຝ່າຍເປັນເອກະພາບກັນຜັນຂະຫຍາຍ ແລະ ຕິດຕາມກວດກາ, ກວດການ ແລະ ລາຍ ງານການປະຕິບັດບັນດາກິດຈະການ, ໂຄງການ ແລະ ບັນດາຂໍ້ຕົກລົງ ທີ່ໄດ້ເຊັນກັນຢ່າງເປັນປົກກະຕິ. ປະສານສົມທົບກັນຢ່າງແໜ້ນແຟ້ນ ເພື່ອປັບປຸງດັດແປງເພີ້ມເຕີມ ແລະ ເຊັນ "ຂໍ້ຕົກລົງກ່ຽວກັບລະບຽບ ການການເງິນ ແລະ ການຄຸ້ມຄອງບັນດາໂຄງການທີ່ນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫລືອລ້າ ຂອງລັດຖະບານຫວຽດ ນາມ ໃຫ້ແກ່ລັດຖະບານລາວ ທີ່ໄດ້ເຊັນກັນໃນວັນທີ 15 ເດືອນ 1 ປີ 2002" ສະບັບໃໝ່ ໂດຍສອດ ຄ່ອງກັບກົນໄກ, ນະໂຍບາຍ ທີ່ປະກາດໃຊ້ໃນປະຈຸບັນຂອງແຕ່ລະປະເທດ.

ສອງຝ່າຍເປັນເອກະພາບປະສານສົມທົບກັນແລກປ່ຽນ ເພື່ອເຫັນພ້ອມກັນໃນບັນດາໂຄງການ ຮ່ວມມືໃນກອບ ASEAN, GMS, ACMECS, CLV, CLV+J, CLMV, ແລວທາງເສດຖະກິດຕາເວັນ ອອກ-ຕາເວັນຕົກ(EWEC),... ເຂົ້າສູ່ເປົ້າໝາຍການພັດທະນາ ແລະ ການຮ່ວມມືຂອງສອງປະເທດ; ສອງຝ່າຍຮ່ວມມືຢ່າງແໜ້ນແຟ້ນກັບບັນດາປະເທດທີ່ກ່ຽວຂ້ອງອື່ນໆປະຕິບັດສັນຍາແມ່ນ້ຳຂອງປີ 1995 ແນໃສ່ພັດທະນາ ແລະ ຄຸ້ມຄອງຊັບພະຍາກອນນ້ຳໃນອ່າງແມ່ນ້ຳຂອງ ໃຫ້ຍືນຍົງ.

ສືບຕໍ່ປະຕິບັດການຕົກລົງ ກ່ຽວກັບການຄຸ້ມຄອງເປັນເອກະພາບການນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫລືອຂອງ ລັດຖະບານຫວຽດນາມ ໃຫ້ແກ່ລັດຖະບານລາວ ຕາມຫລັກການ " **ທຸກຂໍ້ຕົກລົງຂອງບັນດາກະຊວງ, ຂະແໜງການ, ທ້ອງຖິ່ນ, ບັນດາການຈັດຕັ້ງ, ອົງການມະຫາຊົນ ທີ່ຕ້ອງການນຳໃຊ້ທຶນຊ່ວຍເຫລືອ ຂອງ ລັດຖະບານ ຕ້ອງໄດ້ຮັບການຕົກລົງເຫັນດີ ຂອງສອງລັດຖະບານກ່ອນ ຈຶ່ງລົງນາມກັນ** "; ສົ່ງເສີມບັນດາ ກະຊວງ, ຂະແໜງການ, ທ້ອງຖິ່ນ, ບັນດາການຈັດຕັ້ງ, ອົງການມະຫາຊົນ, ສືບຕໍ່ຮ່ວມມືຊ່ວຍເຫລືອເຊິ່ງ ກັນ ແລະ ກັນ ຕາມເງື່ອນໄຂ, ຄວາມສາມາດຕົວຈິງຂອງຂະແໜງການ, ທ້ອງຖິ່ນ ແລະ ພາກສ່ວນຂອງ ຂອງຕົນ. ຝ່າຍຫວຽດນາມປະສານສົມທົບກັບຝ່າຍລາວ ຊອກຫາແຫລ່ງທຶນຊ່ວຍເຫລືອຈາກບັນດາອົງ ການຈັດຕັ້ງປະເທດອື່ນໆ ເພື່ອຂັນຂະຫຍາຍບັນດາກິດຈະການ, ໂຄງການຕ່າງໆຢູ່ລາວ.

12- ຝ່າຍຫວຽດນາມ ເຊີນບັນດາສະຫາຍການນຳຂັ້ນສູງແຫ່ງລັດ ສປປ ລາວ ພ້ອມດວ້ຍຄອບ ຄົວໄປຫວຽດນາມ ເພື່ອກວດສຸຂະພາບ, ປິ່ນປົວ ແລະ ພັກຜ່ອນ.

ຝ່າຍລາວ ເຊີນບັນດາສະຫາຍການນຳຂັ້ນສູງແຫ່ງລັດ ສສ ຫວຽດນາມ ພ້ອມດ້ວຍຄອບຄົວ ມາພັກຜ່ອນຢູ່ລາວ.

13- ສອງຝ່າຍຕົກລົງກັນ ຈະດຳເນີນກອງປະຊຸມຄັ້ງທີ 32 ຂອງຄະນະກຳມາທິການຮ່ວມມື ລະຫວ່າງລັດຖະບານຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານລາວ ກ່ຽວກັບການຮ່ວມມືດ້ານເສດຖະກິດ, ວັດທະ ນະທຳ, ວິທະຍາສາດ-ເຕັກນິກ ໃນຕົ້ນປີ 2010 ທີ່ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ, ສ່ວນວັນເວລາ ແລະ ສະຖານທີ່ລະອຽດ ຈະແຈ້ງຜ່ານທາງການທູດ.

ບົດບັນທຶກສະບັບນີ້ ໄດ້ລົງນາມຮ່ວມກັນຢູ່ທີ່ນະຄອນໂຮ່ຈິມິນ, ວັນທີ 08 ເດືອນມັງກອນ (01) ປີ 2009, ເປັນສອງສະບັບຕົ້ນ ດ້ວຍພາສາຫວຽດ ແລະ ພາສາລາວ, ທັງສອງສະບັບລ້ວນແຕ່ມີຄຸນຄ່າ ເທົ່າທຽມກັນ.

ຕາງໜ້າລັດຖະບານ	**ຕາງໜ້າລັດຖະບານ**
ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມຫວຽດນາມ	**ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ**
ຫງວ໋ຽນ ຊິງຮຸ່ງ,	**ສົມສະຫວາດ ເລ່ງສະຫວັດ,**
ຮອງ ນາຍົກລັດຖະມົນຕີ ຜູ້ປະຈຳການ	**ຮອງ ນາຍົກລັດຖະມົນຕີ ຜູ້ປະຈຳການ**

PTT Nguyễn Sinh Hùng

ສາລະບານ ກ

ບັນຊີລາຍຊື່ຄະນະຜູ້ແທນລັດຖະບານ ສສ ຫວຽດນາມ ເຂົ້າຮ່ວມກອງປະຊຸມ ຄັ້ງທີ 31 ຂອງຄະນະກຳມາທິການຮ່ວມມື ດ້ານເສດຖະກິດ, ວັດທະນະທຳ, ວິທະຍາສາດ-ເຕັກນິກ ລະຫວ່າງ ລັດຖະບານ ສສ ຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານ ສປປ ລາວ

(ນະຄອນໂຮ່ຈິມິນ, ວັນທີ 08 ມັງກອນ (01) 2009)

1. ສະຫາຍ ຫງວຽນ ຊີງ ຮຸ່ງ, ກຳມະການກົມການເມືອງສູນກາງພັກ, ຮອງນາຍົກລັດຖະມົນຕີ ຜູ້ປະຈຳການລັດຖະບານ, ປະທານຄະນະກຳມາທິການຮ່ວມມື ຫວຽດນາມ-ລາວ ເປັນຫົວໜ້າຄະນະ,
2. ສະຫາຍ ຫງວຽນ ຮຸຍ ກວາງ, ເອກອັກຄະລັດຖະທູດວິສາມັນຜູ້ມີອຳນາດເຕັມ ແຫ່ງ ສສ ຫວຽດນາມ ປະຈຳ ສປປ ລາວ,
3. ສະຫາຍ ເຈືອງ ວັນ ດວານ, ລັດຖະມົນຕີຊ່ວຍວ່າການກະຊວງແຜນການ ແລະ ລົງທຶນ, ຮອງປະທານ ຄະນະກຳມາທິການຮ່ວມມືຫວຽດນາມ-ລາວ,
4. ສະຫາຍ ຟາມ ຊວນ ເຊີນ, ຮອງຫົວໜ້າຄະນະພົວພັນຕ່າງປະເທດສູນກາງພັກກອມມູນິດຫວຽດນາມ,
5. ສະຫາຍ ໂຮ່ ຊວນ ເຊີນ, ລັດລັດຖະມົນຕີຊ່ວຍວ່າການກະຊວງການຕ່າງປະເທດ,
6. ສະຫາຍ ເຈີ່ນ ຊວນ ຮ່ຳ, ລັດຖະມົນຕີຊ່ວຍວ່າການກະຊວງການເງິນ,
7. ສະຫາຍ ຫງວຽນ ແທ່ງ ບຽນ, ລັດຖະມົນຕີຊ່ວຍວ່າການກະຊວງອຸດສະຫາກຳ-ການຄ້າ,
8. ສະຫາຍ ເລ ແມ້ງ ຮຸ່ງ, ລັດຖະມົນຕີຊ່ວຍວ່າການກະຊວງຄົມມະນາຄົມ-ຂົນສົ່ງ,
9. ສະຫາຍ ເລ ຕຸ໋ງ ເຖາະ, ລັດຖະມົນຕີຊ່ວຍວ່າການກະຊວງວັດທະນະທຳ, ກີລາ ແລະ ທ່ອງທ່ຽວ,
10. ສະຫາຍ ຟາມ ຫວູ ລວມ, ລັດຖະມົນຕີຊ່ວຍວ່າການກະຊວງສຶກສາ ແລະ ກໍ່ສ້າງ,
11. ສະຫາຍ ເຈີ່ນ ເຍິດ ແທ່ງ, ຫົວໜ້າກົມ, ເລຂາຄະນະກຳມາທິການຮ່ວມມືຫວຽດນາມ-ລາວ, ກະຊວງແຜນການ ແລະ ລົງທຶນ,
12. ສະຫາຍ ຫງວຽນ ຍຸຍ ກຸ້ຍ, ຮອງຫົວໜ້າກົມ, ຫ້ອງວ່າການລັດຖະບານ,
13. ສະຫາຍ ຟາມ ແທງ ຕຸ໋ງ, ຮອງຫົວໜ້າກົມ, ກົມຮ່ວມມືສາກົນ, ກະຊວງຄົມມະນາຄົມ-ຂົນສົ່ງ,
14. ສະຫາຍ ກວນ ຍຸຍ ເງິນ ຮ່ຳ, ຫົວໜ້າກົມ, ກົມຮ່ວມມືສາກົນ, ກະຊວງວັດທະນະທຳ ແລະ ໂທລະຄົມ ມະນາຄົມ,
15. ສະຫາຍ ຈິ ດຶກ ຮ່າຍ, ຮອງຫົວໜ້າກົມ, ກົມກົງສູນ, ກະຊວງການຕ່າງປະເທດ
16. ສະຫາຍ ເລ ທງອກ ດິ, ຮອງຫົວໜ້າກົມ, ກົມຮ່ວມມືສາກົນ, ກະຊວງວັດທະນະທຳ, ກີລາ ແລະ ທ່ອງທ່ຽວ,
17. ສະຫາຍ ໂຮ່ ດຶກ ເຟືອງ, ທີ່ປຶກສາການຄ້າ ຫວຽດນາມ ປະຈຳລາວ,
18. ສະຫາຍ ດ່ວານ ເຖາະ ນາມ, ທີ່ປຶກສາເສດຖະກິດ-ວັດທະນະທຳຫວຽດນາມ ປະຈຳລາວ,
19. ສະຫາຍ ນ. ຟາມ ທິ ຮີ່ງ ແທງ, ຮອງຫົວໜ້າກົມ, ກະຊວງອຸດສາຫະກຳ-ການຄ້າ,
20. ສະຫາຍ ນ. ຫງວຽນ ທິ ແທງ ຮ່ຽນ, ຮອງຫົວໜ້າກົມຮ່ວມມືສາກົນ, ກະຊວງສຶກສາ ແລະ ກໍ່ສ້າງ,

21. ສະຫາຍ ຫວູ ວັນ ທ້າຍ,	ຮອງຫົວໜ້າກົມຮ່ວມມືສາກົນ, ກະຊວງອຸດສາຫະກຳ-ການຄ້າ,
22. ສະຫາຍ ເຈີ່ນ ກົມ ລອງ,	ຮອງຫົວໜ້າກົມຮ່ວມມືສາກົນ, ກະຊວງກະສິກຳ ແລະ ພັດທະນາຊົນນະບົດ,
23. ສະຫາຍ ຕ້າ ຍຸຍ ຈົ້ງ,	ຮອງຫົວໜ້າກົມອາຊີຕາເວັນອອກສ່ຽງໃຕ້, ກະຊວງການຕ່າງປະເທດ,
24. ສະຫາຍ ນ. ທຽງ ທິ ບິກ ເງິນ,	ຮອງຫົວໜ້າກົມຮ່ວມມືສາກົນ, ກະຊວງວັດທະນະທຳ, ກິລາ ແລະ ທ່ອງທ່ຽວ,
25. ສະຫາຍ ທຽງ ດືກ ຮ່ວາ,	ອຳນວຍການສູນຮ່ວມມືຫວຽດນາມ-ລາວ, ກະຊວງກະສິກຳ ແລະ ພັດທະນາຊົນນະບົດ,
26. ສະຫາຍ ຈິ ດືກ ເອິນ,	ວິຊາການກົມເງິນຕາຕ່າງປະເທດ, ກະຊວງການເງິນ,
27. ສະຫາຍ ທຽງ ທຽອກ ທຽນ,	ວິຊາການກົມຮ່ວມມືສາກົນ, ກະຊວງຄົມມະນາຄົມ-ຂົນສົ່ງ,
28. ສະຫາຍ ຕັ໋ງ ຕ໋ຽນ ຍຸ້ງ,	ວິຊາການ, ກົມອາຊີອອກສ່ຽງໃຕ້, ກະຊວງການຕ່າງປະເທດ,
29. ສະຫາຍ ທຽງ ດ໋ຽ ກຽນ,	ວິຊາການກົມອາຊີປາຊີຟິກ, ກະຊວງອຸດສາຫະກຳແລະການຄ້າ,
30. ສະຫາຍ ເລ ວັນ ຕູ້,	ວິຊາການກົມສັ່ງລວມເສດຖະກິດ, ກະຊວງການຕ່າງປະເທດ,
31. ສະຫາຍ ທຽງ ວັນ ກ໋ໍ,	ວິຊາການກົມຮ່ວມມືສາກົນ, ສະຖາບັນການເມືອງ-ການປົກຄອງແຫ່ງຊາດ,
32. ສະຫາຍ ທຽງ ທຽອກ ຖ໋ຽ,	ວິຊາການກົມຮ່ວມມືສາກົນ, ກະຊວງສຶກສາ ແລະ ກ໋ໍ່ສ້າງ,
33. ສະຫາຍ ດ່າວ ທຽອກ ຕວ໋ຽນ,	ວິຊາການກົມຮ່ວມມືສາກົນ, ກະຊວງວັດທະນະທຳ ແລະ ໂທລະຄົມມະນາຄົມ,
34. ສະຫາຍ ທຽງ ມ໋ຽ ເຕ໋ີມ,	ວິຊາການກົມລາວ ແລະ ກຳປູເຈ໋ຍ, ຄະນະພິວພັນຕ່າງປະເທດ ສູນກາງພັກ,
35. ສະຫາຍ ເຈີ່ນ ວັນ ກຽນ,	ວິຊາການກົມພິວພັນເສດຖະກິດຕ່າງປະເທດ, ກະຊວງແຜນການ ແລະ ລົງທຶນ,
36. ສະຫາຍ ຟ່ານ ວັນ ແຄງ,	ວິຊາການກົມພິວພັນເສດຖະກິດຕ່າງປະເທດ, ກະຊວງແຜນການ ແລະ ລົງທຶນ,
37. ສະຫາຍ ທຽງ ວັນ ແທ໋ງ,	ວິຊາການກົມພິວພັນເສດຖະກິດຕ່າງປະເທດ, ກະຊວງແຜນການແລະລົງທຶນ,
38. ສະຫາຍ ເລ ຮ໋ົ່ງ ວ໋ົ່ງ,	ວິຊາການກົມພິວພັນເສດຖະກິດຕ່າງປະເທດ, ກະຊວງແຜນການແລະລົງທຶນ,
39. ສະຫາຍ ທຽງ ດ໋ົ່ງ ບ໋ໍ,	ວິຊາການກົມພິວພັນເສດຖະກິດຕ່າງປະເທດ, ກະຊວງແຜນການແລະລົງທຶນ,
40. ສະຫາຍ ເລ ແມ໋ງ ຮູ໋່ງ,	ວິຊາການກົມພິວພັນເສດຖະກິດຕ່າງປະເທດ, ກະຊວງແຜນການແລະລົງທຶນ

ສາລະບານ ຂ

ບັນຊີລາຍຊື່ຄະນະຜູ້ແທນລັດຖະບານ ສປປ ລາວ ເຂົ້າຮ່ວມກອງປະຊຸມ ຄັ້ງທີ 31 ຂອງຄະນະກຳມາທິການຮ່ວມມື ດ້ານເສດຖະກິດ, ວັດທະນະທຳ, ວິທະຍາສາດ-ເຕັກນິກ ລະຫວ່າງ ລັດຖະບານ ສສ ຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານ ສປປ ລາວ

(ນະຄອນໂຮ່ຈິມິນ, ວັນທີ 08 ມັງກອນ (01) 2009)

---

1. ສະຫາຍ ສົມສະໜາດ ເລັ່ງສະໜວັດ ກຳມະການກົມການເມືອງສູນກາງພັກ, ຮອງນາຍົກລັດຖະມົນຕີ ຜູ້ປະຈຳການລັດຖະບານ, ປະທານຄະນະກຳມາທິການຮ່ວມມື ລາວ-ຫວຽດນາມ ເປັນຫົວໜ້າຄະນະ,
2. ສະຫາຍ ທອງນີ ພົມວິໄຊ ລັດຖະມົນຕີຊ່ວຍວ່າການກະຊວງແຜນການ ແລະການລົງທຶນ, ຮອງປະທານຄະນະກຳມາທິການຮ່ວມ ມືລາວ-ຫວຽດນາມ ເປັນຄະນະ,
3. ສະຫາຍ ນ. ສູນທອນ ໄຊຍະຈັກ ເອກອັກຄະລັດຖະທູດວິສາມັນຜູ້ມີອຳນາດເຕັມແຫ່ງສປປລາວ ປະຈຳ ສສ ຫວຽດນາມ ເປັນຄະນະ,
4. ສະຫາຍ ສົມບູນ ຣາຊາສົມບັດ ລັດຖະມົນຕີຊ່ວຍວ່າການກະຊວງພະລັງງານ ແລະ ບໍ່ແຮ່ ເປັນຄະນະ,
5. ສະຫາຍ ດຣ. ຕີ ພົມມະສັກ ລັດຖະມົນຕີຊ່ວຍວ່າການກະຊວງກະສິກຳ-ປ່າໄມ້ ເປັນຄະນະ,
6. ສະຫາຍ ນ. ເຂັມມະນີ ພົນເສນາ ລັດຖະມົນຕີຊ່ວຍວ່າການ ກະຊວງອຸດສາຫະກຳ ແລະ ການຄ້າ ເປັນຄະນະ,
7. ສະຫາຍ ນ. ວຽງທອງ ສີພັນດອນ ລັດຖະມົນຕີຊ່ວຍວ່າການ ກະຊວງການເງິນ ເປັນຄະນະ,
8. ສະຫາຍ ນ. ແສງເດືອນ ຫລ້າຈັນທະບູນ ລັດຖະມົນຕີຊ່ວຍວ່າການກະຊວງສຶກສາທິການ ເປັນຄະນະ,
9. ສະຫາຍ ເທດລະຄອນ ດວງສົນທິ ກົງສູນໃຫຍ່ແຫ່ງສປປລາວ ປະຈຳນະຄອນໂຮ່ຈິມິນ ເປັນຄະນະ,

ຄະນະວິຊາການປະກອບດ້ວຍ:

1. ສະຫາຍ ພອນສຸກ ຄຸນສົມບັດ ຫົວໜ້າຫ້ອງການຄະນະກຳມາທິການຮ່ວມມືລາວ-ຫວຽດນາມ ເປັນຫົວໜ້າຄະນະ,
2. ສະຫາຍ ລັດຕະນະມະນີ ຄຸນນິວົງ ຫົວໜ້າຫ້ອງການກະຊວງກະຊວງ ໂຍທາທິການ ແລະ ຂົນສົ່ງ ເປັນຄະນະ,
3. ສະຫາຍ ດຣ. ພວງປຣິສັກ ປຣະວົງວົງຄຳ ຫົວໜ້າກົມແຜນການ ແລະ ການຮ່ວມມື, ກະຊວງກະສິກຳ ແລະ ປ່າໄມ້ ເປັນຄະນະ,
4. ສະຫາຍ ຜາສຸກ ພົມມະຣັກ ວ່າການຫົວໜ້າກົມກໍ່ສ້າງພະນັກງານ, ຄະນະຈັດຕັ້ງສູນກາງພັກ ເປັນຄະນະ,

5. ສະຫາຍ ດຣ. ບຸນປັນ ໄຊມຸນຕຼີ	ຮອງຫົວໜ້າກົມແຜນການ ແລະ ການຮ່ວມມື, ກະຊວງສຶກສາທິການ ເປັນຄະນະ,
6. ສະຫາຍ ດຣ. ບຸນເຖິງ ເພັງທະວົງສາ	ຮອງຫົວໜ້າຫ້ອງການກະຊວງພະລັງງານແລະບໍ່ແຮ່ເປັນຄະນະ,
7. ສະຫາຍ ທັດສະດີ ສີສຸລາດ	ຮອງຫົວໜ້າກົມໄຟຟ້າ, ກະຊວງພະລັງງານ ແລະ ບໍ່ແຮ່ ເປັນຄະນະ,
8. ສະຫາຍ ສີລາ ວຽງແກ້ວ	ຮອງຫົວໜ້າຫ້ອງການກະຊວງການເງິນ ເປັນຄະນະ,
9. ສະຫາຍ ສົມຫວັງ ນິນທະວົງ	ທີ່ປຶກສາດ້ານເສດຖະກິດ-ການຄ້າ, ສະຖານເອກອັກຄະລັດຖະທູດລາວ ປະຈຳ ສສ ຫວຽດນາມເປັນຄະນະ,
10. ສະຫາຍ ພູເຂົາ ທອງມະນີລາ	ຮອງຫົວໜ້າຫ້ອງການ ຄະນະກຳມາທິການຮ່ວມມື ລາວ - ຫວຽດນາມ ເປັນຄະນະ,
11. ສະຫາຍ ສິງຫາ ສິງສະຫວັນ	ຮອງຫົວໜ້າຫ້ອງການ ຄະນະກຳມາທິການຮ່ວມມື ລາວ - ຫວຽດນາມ ເປັນຄະນະ, (ທັງຊ່ວຍແປພາສາ ໃຫ້ຄະນະວິຊາການພົບປະ),
12. ສະຫາຍ ຄຳເຜີຍ ແກ້ວກົມມາລີ	ເລຂາທ່ານ ຮອງນາຍົກລັດຖະມົນຕີ ຜູ້ປະຈຳການລັດຖະບານ ເປັນຄະນະ,
13. ສະຫາຍ ວຽງສະຫວັນ ວີໄລພອນ	ເລຂາທີ 1, ສະຖານເອກອັກຄະລັດຖະທູດລາວ ປະຈຳ ສສ ຫວຽດນາມ ເປັນຄະນະ,
14. ສະຫາຍ ວຽງໄຊ ດາຣາແສນ	ຫົວໜ້າພະແນກອາຊຽນ, ຄະນະພົວພັນຕ່າງປະເທດສູນກາງພັກ ເປັນຄະນະ(ທັງຊ່ວຍແປພາສາໃຫ້ຄະນະຜູ້ແທນຂັ້ນລັດຖະບານ)
15. ສະຫາຍ ໄຊທິເດດ ອິນທະສອນ	ຫົວໜ້າພະແນກຄຸ້ມຄອງການນຳເຂົ້າ ແລະ ສົ່ງອອກ, ກະຊວງອຸດສາຫະກຳ ແລະ ການຄ້າ ເປັນຄະນະ,
16. ສະຫາຍ ນ. ສຸດສະດາ ມະນີໄຊ	ຫົວໜ້າພະແນກການເງິນ, ກະຊວງແຜນການ ແລະ ການລົງທຶນ ເປັນຄະນະ,
17. ສະຫາຍ ນ. ທິບພະຈັນ ຊາພັກດີ	ວິຊາການຫ້ອງການກະຊວງແຜນການ ແລະ ການລົງທຶນ ເປັນຄະນະ,
18. ສະຫາຍ ສຸລິກັນ ຈອມສີປະເສີດ	ວິຊາການຫ້ອງການ ຄະນະກຳມາທິການຮ່ວມມື ລາວ - ຫວຽດນາມ ເປັນຄະນະ,
19. ສະຫາຍ ສີສົມພອນ ຄຳພາວົງ	ວິຊາການຫ້ອງການ ຄະນະກຳມາທິການຮ່ວມມື ລາວ - ຫວຽດນາມ ເປັນຄະນະ.
